

HỌC-VIÊN QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH

Luận-văn Đốt-Đập

ẢNH-HƯỞNG CỦA **PHẬT-GIÁO** TRONG CÁC KỲ **BẦU-CỬ**

THƯ-VIÊN QUỐC-GIA
VIỆT-NAM
Số 0208

TẠI
V. N. C. H.

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP
LVHC 208

SV : TRẦN-ĐÌNH-SƠN
Ban Đào-Sự 17
1969 - 1972

Học Viện Quốc Gia Hành Chánh không tán thành, cũng không phản đối những ý kiến phát biểu trong luận văn tác giả hoàn toàn chịu trách nhiệm về những ý kiến đó.

GIÁO SƯ HƯƠNG DẪN
GIÁO SƯ TẠ VĂN TÀI
TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

THÀNH KÍNH TRI ÂN

- Giáo Sư Viện Trưởng
- Giáo Sư Phó Viện Trưởng
- Quý vị Giáo Sư

Đã hết lòng
khuyến khích, chỉ dạy chúng tôi
trong suốt học trình
Ban Đốc Sự
1969 - 1972

Chân thành tri ân
Giáo Sư hướng dẫn
Tạ Văn Tài

đã hết lòng
hướng dẫn chúng tôi
trong việc soạn thảo
luận văn này

Kính dâng NGHIÊM TỪ
Quà mọn của con khi vào đời

mục lục

<u>DẪN NHẬP-</u>	trang 01
<u>PHẦN THỨ NHẤT-</u> <u>ẢNH HƯỞNG CỦA PHẬT GIÁO TRONG KỲ BẦU CỬ BAN PHẦN THƯỢNG</u> <u>NGHỊ VIÊN 30-8-1970.</u>	05
<u>CHƯƠNG I-</u> <u>TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ CỦA PHẬT GIÁO SAU</u> <u>BIẾN CỐ 1-11-1963.</u>	07
Đoạn 1/ Tổ chức Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam: từ Trung ương đến địa phương.	07
Đoạn 2/ Hoạt động chính trị của Phật giáo sau 1963.	11
<u>CHƯƠNG II-</u> <u>PHẬT GIÁO VÀ KỲ BẦU CỬ BAN PHẦN THƯỢNG NGHỊ VIÊN</u> <u>30-8-1970.</u>	15
Đoạn 1/ Tình trạng tổng quát.	16
Đoạn 2/ Hoạt động của Phật giáo trong kỳ bầu cử.	20
Đoạn 3/ Kết quả Phật giáo thu đạt được.	22
Nhận xét.	25
<u>PHẦN THỨ HAI</u> <u>ẢNH HƯỞNG CỦA PHẬT GIÁO TRONG KỲ BẦU CỬ HẠ VIỆN</u> <u>29-8-1971.</u>	35
<u>CHƯƠNG I-</u> <u>PHẬT GIÁO VÀ KỲ BẦU CỬ HẠ VIỆN 1971-</u>	37
Đoạn 1/ Hình trạng tổng quát.	37
Đoạn 2/ Hoạt động bầu cử của Phật giáo.	42
Đoạn 3/ Kết quả Phật giáo thu đạt được.	44
<u>CHƯƠNG II-</u> <u>NGHIÊN CỨU CÁC TRƯỜNG HỢP ĐIỂN HÌNH-</u>	50
Đoạn 1/ Sự tranh chấp giữa ứng cử viên Phật giáo và ứng cử viên đảng phái.	50
Đoạn 2/ Sự tranh chấp giữa các ứng cử viên Phật giáo.	54
<u>KẾT LUẬN-</u>	60

NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT

GHPGVNTN	:	Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất
GHPGẤQ	:	Giáo Hội Phật Giáo ẤN QUANG
GHPGVNQT	:	Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Quốc Tự
GHTCG	:	Giáo Hội Thiên Chúa Giáo
UCVPG	:	Ứng Cử Viên Phật Giáo
NSPG	:	Nghị Sĩ Phật Giáo
DBPG	:	Dân Biểu Phật Giáo
VNQĐĐ	:	Việt Nam Quốc Dân Đảng
PTQGCT	:	Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến

dẫn nhập

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

VIỆT NAM, cũng như hầu hết các quốc gia tại Á châu, chịu ảnh hưởng của Phật giáo một cách sâu đậm.

Từ lúc mới truyền bá đến nay đã gần 20 thế kỷ, Phật giáo luôn luôn gắn liền với dân tộc. Dưới các triều đại tự chủ đầu tiên, Phật giáo tiếp tay với cấp lãnh đạo để dựng nước và giữ nước. Sang đến thời thịnh trị LÝ - TRẦN, ảnh hưởng của đạo Phật lan rộng từ triều đình đến nhân gian. Các bậc cao tăng như KHUÔNG VIỆT, VẠN HẠNH... đóng vai trò cố vấn tối cao của hàng vua chúa, dự bàn quốc sự. Tự-viện Phật giáo là những nơi đào luyện nhân tài ra giúp nước. Thời vàng son này kéo dài gần 500 năm.

Bước sang triều Lê và Nguyễn, thế lực của đạo Phật không còn như trước. Giai cấp Nho sĩ đã hoàn toàn loại bỏ ảnh hưởng của Tăng sĩ tại triều đình. Đạo Phật chỉ còn tầng lớp bình dân ôm ấp, bảo vệ. Giáo lý cao siêu của Đức PHẬT dần dần bị giải thích sai lệch, pha trộn với hình thức thoái hóa của Lão giáo, biến Phật giáo thành một tôn giáo chuyên lo việc ma chay cúng bái.

Tình trạng trở nên bí đật, nhất là từ khi thực dân Pháp hoàn toàn xâm chiếm nước ta. Người Pháp tỏ ra nghi kỵ tôn giáo của dân bản xứ vì thành phần này hợp tác với các lực lượng yêu nước chống lại họ. Để ngăn chặn sự phát triển và dễ dàng kiểm soát, chính phủ Bảo hộ ban hành những biện pháp bất công đối với các tôn giáo cổ truyền. Đối với Thiên Chúa giáo, người Pháp đặc biệt nâng đỡ. Các hội truyền giáo ngoại quốc hưởng chế độ pháp lý do Sắc lệnh ngày 16-1-1939 qui định riêng. Còn Phật giáo phải theo qui chế hiệp hội, bị kiểm soát gắt gao.

Năm 1954 sau hiệp định Genève, đất nước bị phân chia thành 2 miền. Miền Bắc theo chủ nghĩa Mác xít, dĩ nhiên tôn giáo bị coi là một chướng ngại cần thanh toán trên đường xây dựng thiên đường cộng sản. Miền Nam, ngược lại các nhà lãnh đạo muốn dùng tôn giáo như một sức mạnh để chống lại sự vô thần. Nhưng điều này thất bại dưới thời đệ I Cộng Hòa. Thất bại không phải do các lực lượng tôn giáo ở miền Nam yếu kém mà bởi các lực lượng này đã "xây lung" vì những sai lầm của chế độ.

Đ Về phương diện pháp lý, đáng ra sau khi lấy lại chủ quyền trên tay người Pháp, chính quyền Việt Nam phải nghiên cứu để ban hành một chế độ chung cho các tôn giáo một cách bình đẳng. Thực hiện lý tưởng quốc gia thế tục, chính quyền phải tỏ ra không thiên vị một giáo hội nào và hoàn toàn độc lập với giáo hội. Tiếc thay chính quyền đệ I Cộng hòa vẫn tiếp tục duy trì tình trạng pháp lý của thời Pháp thuộc.

Đ Về phương diện thực tế, Thiên chúa giáo được đặc biệt ưu đãi. Giáo hội có nhiều phương tiện để hoạt động xã hội, văn hóa và luôn cả thương mại. Cấp lãnh đạo giáo hội có ảnh hưởng rất lớn đối với cấp lãnh đạo quốc gia. Để trang bị tinh thần cho cán bộ và nhân dân miền Nam, ông Ngô đình Nhu, linh hồn của chế độ, đưa ra thuyết "nhân vị"; vợ ông, bà Trần thị lệ Xuân, dân biểu Quốc hội, đưa ra luật Gia Đình để cải tạo xã hội đều lấy tinh thần Thiên chúa giáo làm căn bản.

Các nhà lãnh đạo không ý thức rằng, đa số nhân dân Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu xa của Phật giáo trong khi Thiên chúa giáo tuy suốt thời Pháp thuộc nhờ thế lực tạo được một bề thế vững vàng tại các đô thị vẫn chưa bén rễ sâu vào xã hội Việt Nam. Những sự kiện trên làm cho đa số nhân dân bất mãn với nền đệ I Cộng hòa. Mà bất mãn mạnh nhất phải nói ở miền Trung. Tại đây Phật giáo, từ thời phục hưng (1930) đã tổ chức chặt chẽ, các vị tăng sĩ, thông hiểu Phật học cũng như thế học, lãnh đạo, có uy tín lớn lao đối với dân chúng. Nhận thấy với một tôn giáo cổ truyền của dân tộc, có đông đảo tín đồ nhất là phải

chịu sự chèn ép và khinh thị, cấp lãnh đạo Phật giáo tại Trung phần chỉ chờ cơ hội thuận tiện là phát động một cuộc tranh đấu đòi bình đẳng tôn giáo và tự do tín ngưỡng.

Sự dồn nén mỗi ngày mỗi mạnh cho đến mùa Phật đản 1963 thì thực sự bùng nổ. Sau 8 cái chết thương tâm, được Giáo hội tôn phong làm Thánh tử đạo, cuộc tranh đấu phát xuất từ cố đô Huế đã lan rộng khắp toàn quốc một cách vô cùng nhanh chóng.

Chính cuộc tranh đấu này là nguyên nhân đưa đến chính biến 1-11-1963. Các vị tướng lãnh lợi dụng sự bất mãn tột cùng của đa số dân chúng và sự cô lập của chế độ, lãnh đạo quân đội lật đổ nền đệ I Cộng hòa.

Cuộc tranh đấu của Phật giáo không chấm dứt sau năm 1963. Nhận thức được sức mạnh của Phật giáo, cấp lãnh đạo Giáo hội liên tiếp tranh đấu để chống độc tài, quân phiệt, đòi dân chủ... Mục tiêu thay đổi nên chiến thuật cũng đổi thay từng giai đoạn. Tinh thần bất bạo động không còn được tôn trọng mà nhường cho bạo động và hỗn loạn. Điều này đưa đến sự thất bại chua cay cho Phật giáo vào năm 1966. Từ đó Phật giáo tẩy chay các cuộc bầu cử tổ chức trong năm 1967 và 1968.

Sự thụ động trong các cuộc bầu cử làm cho Phật giáo chịu nhiều thiệt thòi; thế lực bị giảm sút vì không có ảnh hưởng tại các cơ cấu lãnh đạo quốc gia. Tình trạng này đến năm 1970 thì chấm dứt bởi cuộc bầu cử bán phần Thượng nghị viện và tiếp đến là kỳ bầu cử Hạ nghị viện năm 1971. Trong 2 cuộc bầu cử này Giáo hội Phật giáo đã tích cực vận động đưa người vào Quốc hội. Từ đây thay vì chống đối bạo động và bất hợp pháp, Giáo hội Phật giáo có các đại biểu tranh đấu hợp pháp tại Nghị trường.

Tập luận văn này giới hạn việc nghiên cứu như sau:

✪ Về đối tượng: danh từ Phật giáo dùng để chỉ Giáo hội Phật giáo Ấn Quang. Đây là khối Phật giáo qui tụ được đông đảo tín

đồ, tổ chức chặt chẽ và ảnh hưởng nhiều nhất đến việc bầu cử.

Về thời gian: hai cuộc bầu cử được chọn để nghiên cứu trong luận văn:

- Bầu cử bán phần Thượng Nghị Viện 30-8-1970
- Bầu cử Hạ Nghị Viện 29-8-1971

Trong khoảng thời gian này còn có cuộc bầu cử hội đồng Đô, Tỉnh, Thị Xã ngày 28-6-1970 và Tổng Thống, Phó Tổng Thống ngày 3-10-1971. Nhưng 2 cuộc bầu cử này Phật giáo không can thiệp tích cực hoặc chống đối vì tình trạng độc cử.

Chọn nghiên cứu đề tài này với mục đích căn cứ vào việc bầu cử để tìm hiểu sức mạnh chính trị của Phật giáo Việt Nam. Từ đó nhận định vai trò của tôn giáo này trong sinh hoạt cộng đồng quốc gia hiện tại cũng như tương lai, với viễn tượng chiến tranh chấm dứt, mở màn cho sự đấu tranh chính trị giữa hai thế lực Quốc Cộng.

Tuy nhiên vấn đề bầu cử vốn phức tạp, việc tìm hiểu ảnh hưởng của Phật giáo trong biến cố đó càng phức tạp hơn. Muốn nghiên cứu đầy đủ để thấy rõ sắc thái đặc biệt từ trung ương đến địa phương đòi hỏi một công trình tập thể, được trợ giúp từ nhiều phía: chính quyền - giáo quyền. Với phương tiện và khả năng của một sinh viên, luận văn này còn thiếu sót rất nhiều, chỉ trình bày khái quát các dữ kiện chính và phân tích vài trường hợp điển hình trong 2 phần:

PHẦN I- ẢNH HƯỞNG CỦA PHẬT GIÁO trong kỳ bầu cử BÁN
PHẦN THƯỢNG VIỆN năm 1970

PHẦN II- ẢNH HƯỞNG CỦA PHẬT GIÁO trong kỳ bầu cử
HẠ VIỆN năm 1971.

PHẦN MỘT

ảnh hưởng của
Phật giáo
trong kỹ bầu cử
bán phần Thượng Viện 30.8.70

Quá trình du nhập, bành trướng đạo Phật không liên quan nhiều đến đề tài. Để tìm hiểu được thế lực chính trị và ảnh hưởng của Phật giáo trong việc bầu cử hiện nay, chỉ cần nghiên cứu sơ lược tổ chức và các hoạt động chính trị của tôn giáo này từ sau 1963.

Phần này chia làm hai chương:

-CHƯƠNG THỨ NHẤT:

Tổ chức và hoạt động chính trị của Phật giáo Việt Nam sau năm 1963.

-CHƯƠNG THỨ HAI:

Phật giáo và kỳ bầu cử bán phần Thượng Viện 1970.

chương một

**Tổ chức và Hoạt động chính trị
của Phật giáo sau biến cố 1.11.63**

❧ ới truyền thống tự do phóng khoáng của Thiên Tông, tại các quốc gia chịu ảnh hưởng Phật giáo Đại Thừa, vấn đề giáo quyền, tổ chức Giáo hội không quan trọng. Dưới các triều Vua Chúa, các vị cao Tăng, Đại đức được kính trọng làm Quốc sư hoặc sau này, đời nhà Nguyễn gọi là Tăng cang, thực ra chỉ là hư danh. Giáo hội và hàng giáo phẩm Phật giáo hoàn toàn khác biệt với Thiên chúa giáo. Trước biến cố 1-11-1963, tuy Phật giáo Việt Nam chịu ảnh hưởng các phong trào canh tân và phục hưng Phật giáo tại Á châu, đã cố gắng chấn chỉnh nội bộ và bắt đầu tham gia hoạt động xã hội, giáo dục, nhưng còn yếu kém và rời rạc, chỉ trừ vài tỉnh ở miền Trung. Sau cuộc tranh đấu năm 1963, Phật giáo Việt Nam mới tiến đến việc thành lập một Giáo hội Phật giáo thống nhất và chính thức hoạt động chính trị mạnh mẽ.

ĐOẠN I

TỔ CHỨC GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM:
TỪ TRUNG ƯƠNG ĐẾN ĐỊA PHƯƠNG

Trước tình trạng suy đồi của Phật giáo thời Pháp thuộc, một số tăng, tín đồ trí thức Việt Nam chịu ảnh hưởng của THÁI HỮ ĐẠI SƯ phát động phong trào phục hưng Phật giáo Trung Hoa, đứng ra kêu gọi thành lập các hội Phật học khắp ba miền Nam - Trung - Bắc để đoàn kết Phật tử, học hỏi giáo lý, xây dựng nền Phật giáo tiến bộ. Các Phật học viện, các tổ chức Phật giáo kế

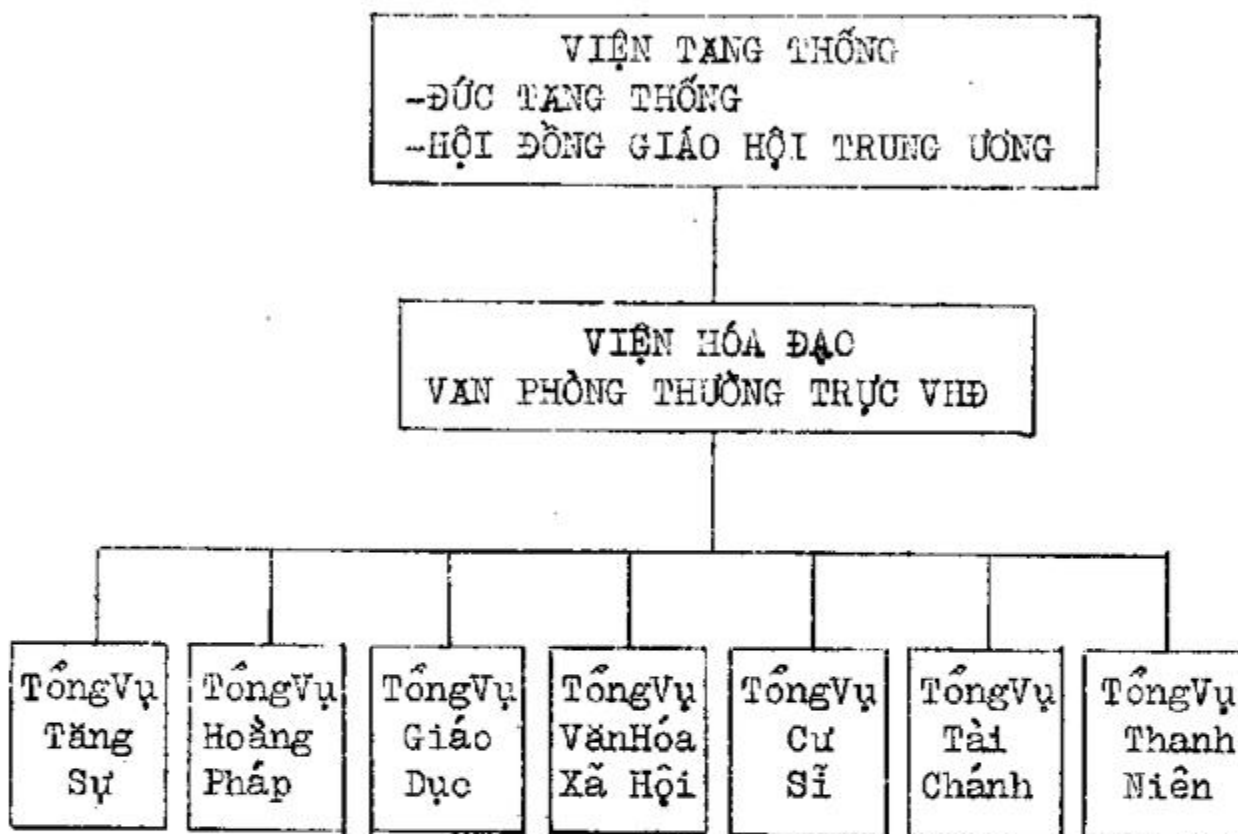
tiếp ra đời để đào tạo Tăng tài, giáo dục tín đồ. Năm 1951, lần đầu tiên tại chùa Từ Đàm Huế, đại biểu của các giáo phái, hội đoàn toàn quốc họp đại hội để thành lập một tổ chức là Tổng hội PHẬT GIÁO VIỆT NAM. Đây là bước đầu tiên để thống nhất Phật giáo về sau. Tuy nhiên, các giáo phái, hội đoàn vẫn sinh hoạt riêng biệt tùy theo từng địa phương. Tình trạng này kéo dài đến năm 1963. Sau khi đã phải đoàn kết nhất trí để "bảo vệ đạo pháp" trong cuộc đấu tranh 1963, các cấp lãnh đạo Phật giáo mới quyết định thống nhất thực sự. Sự thống nhất không ~~thực~~ thực hiện giữa các tông phái Đại thừa mà còn bao gồm cả các tông phái Tiểu thừa (hay Nguyên Thủy) trong một tổ chức duy nhất là GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT (GHPGVNTN).

Sự thống nhất Phật giáo không được bao lâu thì vì tranh chấp quyền hành, bất mãn địa phương, một số các giáo phái lần lượt rút lui khỏi GHPGVNTN, như hội Phật học Nam Việt, Giáo hội Thiên tịnh Đạo Tràng... Nhưng sự chia rẽ trầm trọng, có ảnh hưởng tai hại nhất cho việc thống nhất Giáo hội xảy ra trong năm 1966. Biến cố này làm cho Giáo hội Phật giáo tách thành 2 khối, cho đến nay vẫn chưa hòa hợp được.

☐ Khối Phật Giáo Việt Nam Quốc Tự, thân thiện với chính quyền hiện tại, được Phật tử thuộc miền Bắc di cư hậu thuẫn, lãnh đạo bởi các Thượng Tọa TÂM CHÂU, TÂM GIÁC.

☐ Khối Phật giáo AN QUANG, đối lập với nhà cầm quyền hiện hữu, lãnh đạo bởi các Thượng Tọa TRÍ QUANG, THIÊN MINH, THIÊN HOA. Khối này được hậu thuẫn bởi đa số tín đồ Phật giáo, có tổ chức và hoạt động mạnh mẽ khắp toàn quốc. Mặc dù hiện nay cả 2 khối đều mệnh danh là GHPGVNTN, thực tế khối Việt Nam Quốc Tự dựa vào chính quyền, có căn bản pháp lý, nhưng không có thực lực và khả năng. Khối Phật giáo AN QUANG, trái lại không có căn bản pháp lý, trên nguyên tắc chỉ là một đoàn thể hoạt động bất hợp pháp, nhưng lại có thực lực và khả năng, tích cực tham gia các hoạt động chính trị, điển hình qua các cuộc bầu cử. Vì lẽ đó trong luận văn chỉ trình bày những vấn đề liên quan đến Giáo hội Phật giáo AN QUANG.

A) TỔ CHỨC TRUNG ƯƠNG-



1/ Đức Tăng Thống:

Ngài là vị lãnh đạo tối cao của Giáo hội. Trực tiếp lãnh đạo Viện Tăng Thống. Nhiệm kỳ 4 năm. Ngài có những quyền chính yếu sau:

- Phê chuẩn và ban hành Hiến Chương GHPGVNTN.
- Phê chuẩn và ban hành qui chế liên hệ đến Tăng Ni Việt Nam.
- Tấn phong Viện Hóa Đạo.

Theo Hiến Chương ngày 14-2-1965, Đức Tăng Thống còn có quyền:

- Ấn định nhiệm vụ và quyền hạn Hội đồng Giáo hội Trung ương và văn phòng thư ký.
- Chuẩn y việc điền khuyết các chức vụ trong ban chỉ đạo Viện Hóa Đạo.

2/ Hội đồng Giáo hội Trung ương:

Gồm 60 vị Trưởng lão và Thượng Tọa; nhiệm kỳ vô hạn định. Hội đồng do Viện Hóa Đạo đề cử, do Đức Tăng Thống duyệt y và thỉnh cầu.

Hội đồng có nhiệm vụ:

- Suy tôn đức Tăng Thống, Phó Tăng Thống trong hàng Trưởng lão.
- Chỉ định ban Giám luật trong hàng Trưởng lão và Thượng tọa của Hội đồng.
- Đề cử ban giám sát, cho Đại hội GHPGVNTN bầu cử.

3/ Viện Hóa Đạo:

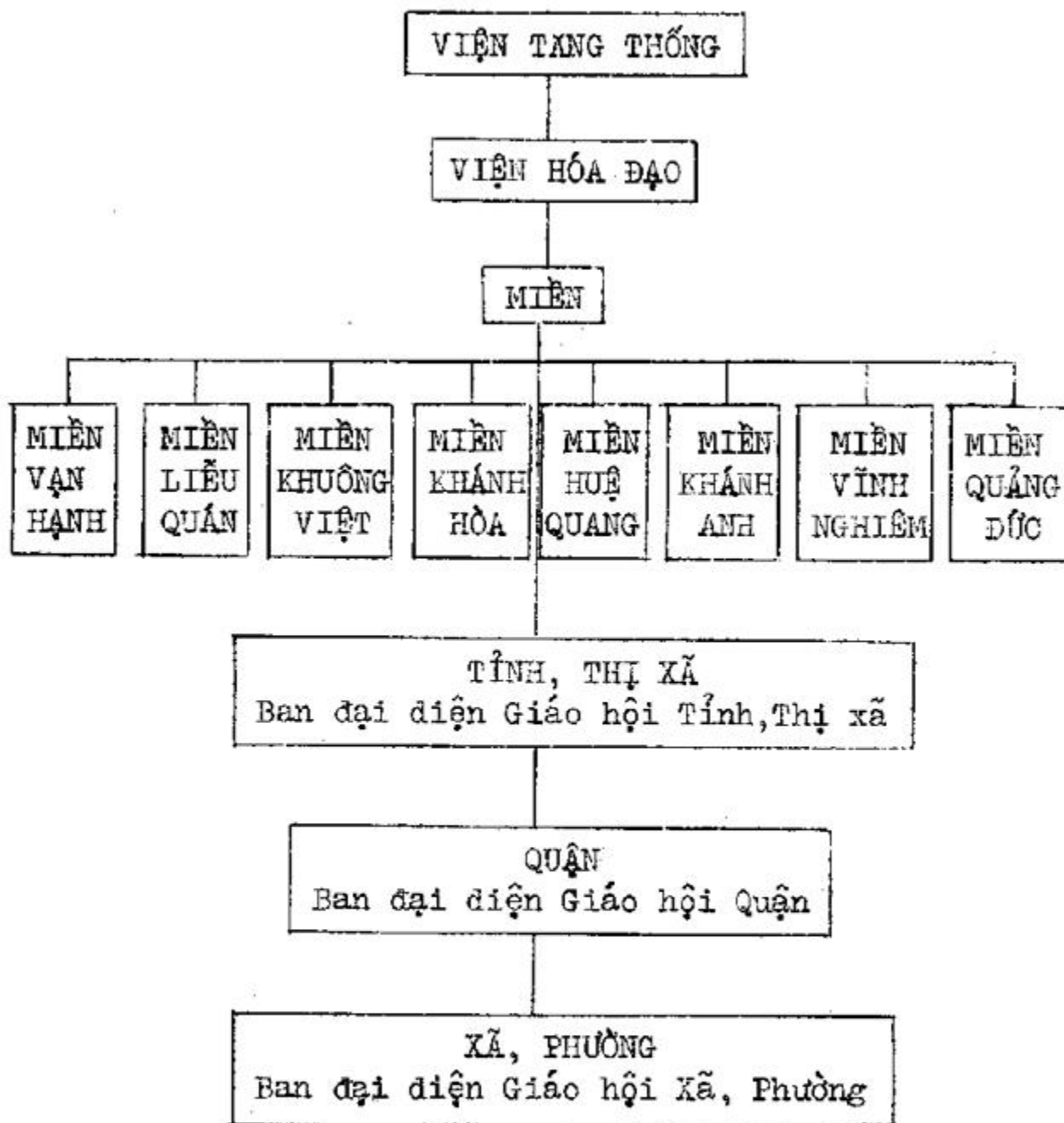
Có nhiệm vụ điều hành các ngành hoạt động của Giáo hội. Hai cơ quan quan trọng nhất của Viện này là Ban chỉ đạo và Ban Giám sát, tuy do đại hội GHPGVNTN bầu cử nhưng chỉ được bầu trong số các nhân vật do Hội đồng Giáo hội Trung ương đã đề cử mà thôi.

B) TỔ CHỨC ĐỊA PHƯƠNG-

1/ Mỗi miền có một vị CHÁNH ĐẠI DIỆN do Viện Hóa Đạo bổ nhiệm để đôn đốc và kiểm soát Phật sự trong miền. Ngoại trừ miền Vĩnh Nghiêm, bao gồm các Phật tử miền Bắc di cư, có một ban đại diện Miền.

2/ Ban đại diện Tỉnh, Thị xã: gồm có:

- một Chánh đại diện.
- một Phó đại diện.
- các Đặc Ủy: Tăng sự, Hoàng pháp, Giáo dục, Văn hóa xã hội, Tài chánh, Cư sĩ, Thanh niên.
- Chánh, Phó thư ký.
- Chánh, Phó thủ quỹ.



ĐOẠN II

HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ CỦA PHẬT GIÁO SAU NĂM 1963

Sau biến cố ngày 1-11-1963, Phật giáo càng ngày càng đi sâu vào các hoạt động chính trị. Trong khoảng thời gian từ 1963 đến 1967 với 5 chính phủ kế tiếp, Phật giáo có các hoạt động chính trị quan trọng sau:

1/ Chính phủ NGUYỄN KHÁNH:

Vì mới thoát khỏi sự áp chế, Phật giáo không kịp chuẩn bị nên sau khi chế độ đệ I Cộng hòa sụp đổ, Phật giáo không được tham dự vào các cơ cấu lãnh đạo quốc gia. Dù sao các tướng lãnh lãnh đạo cuộc cách mạng vẫn là ân nhân của Giáo hội nên được các nhà lãnh đạo Phật giáo dành nhiều cảm tình. Cảm tình này chấm dứt khi Tướng Nguyễn Khánh làm cuộc chỉnh lý ngày 30-1-64. Cấp lãnh đạo Phật giáo xem đây là một hành động phản cách mạng và tỏ sự chống đối. Chính phủ Nguyễn Khánh cố tình mua chuộc Phật giáo bằng cách trợ giúp rất nhiều phương tiện để Giáo hội hoạt động. Điều này không có kết quả. Để xây dựng một chế độ độc tài, Tướng Nguyễn Khánh âm mưu thiết lập Hiến Chương ngày 16-8-1964 (được gọi là Hiến Chương Vũng Tàu). Phật giáo cùng các đoàn thể chính trị trong nước quyết liệt chống đối. Đến ngày 25-8-1964 chính tướng Nguyễn Khánh phải xé bỏ bản Hiến Chương này.

2/ Chính phủ TRẦN VĂN HƯƠNG:

Ngày 31-10-1964 ông Trần Văn Hương được bổ nhiệm thành lập chính phủ. Chính phủ này tìm cách loại bỏ ảnh hưởng của tôn giáo để tái lập lại uy quyền tối thượng của quốc gia. Phật giáo không được thỏa mãn những yêu sách nên phát động phong trào chống đối chính phủ. Tại Sài Gòn cấp lãnh đạo tối cao của Phật giáo tuyên bố tuyệt thực vô hạn định, các tỉnh miền Trung hưởng ứng nhiệt liệt. Ngày 18-1-1965 chính phủ cải tổ để tìm một hậu thuẫn rộng rãi hơn nhưng việc này không có hiệu quả. Sau khi chỉ trích các vị lãnh đạo Phật giáo một cách gắt gao, Thủ Tướng Trần Văn Hương gặp sự chống đối mạnh mẽ hơn. Tình trạng căng thẳng này kéo dài đến ngày 27-1-1965 thì hội đồng Quân Lực tuyên bố bất tín nhiệm chính phủ dân sự Trần Văn Hương. Ngày 16-2-1965 ông Phan Huy Quát được bổ nhiệm làm Thủ Tướng. Chính phủ này được Phật giáo ủng hộ nhưng gặp sự chống đối của Thiên chúa giáo và các đảng phái chính trị nên cũng không tồn tại lâu dài.

Khủng hoảng chính trị, cuối cùng đưa quân đội trở lại chính quyền, ngày 19-6-1965 một chính phủ quân nhân ra đời, được gọi là "Nội các chiến tranh" do Tướng Nguyễn Cao Kỳ lãnh đạo.

3/ Chính phủ NGUYỄN CAO KỶ:

Nhận thấy Quốc gia chưa có căn bản pháp lý vững chắc để xây dựng một nền Dân chủ ổn định, cấp lãnh đạo Phật giáo trong giai đoạn này đứng lên tranh đấu đòi Quốc hội Lập Hiến. Châm ngòi là vụ bãi chức Tướng Nguyễn chánh Thi tại miền Trung. Ngày 13-3-1966 Viện Hóa Đạo xác định lập trường:

- Đòi phục hồi chức vụ cho các tướng lãnh hữu công với cách mạng 1-11-1963.
- Quân đội phải trở về lãnh vực thuần túy quân sự để giao quyền cho một chính phủ Dân sự chuyển tiếp lo bầu cử Quốc hội Lập Hiến.

Từ ngày 22-3-1966 các cuộc biểu tình, bãi khóa lan rộng khắp nơi trên toàn quốc để đòi Quốc hội Lập Hiến. Trước nguyện vọng chính đáng này chính phủ ban hành Sắc luật 14/66 ngày 14-11-1966 qui định việc tổ chức bầu cử Quốc hội Lập Hiến.

Tuy nhiên theo các nhà lãnh đạo Phật giáo, hai Tướng Nguyễn văn Thiệu - Nguyễn cao Kỳ phải từ chức, giao quyền cho một chính phủ chuyển tiếp. Điều này không được thỏa mãn và bị nhà cầm quyền đương thời quyết liệt chống đối.

Trong lúc tình thế đang gay cấn thì nội bộ Phật giáo bắt đầu chia rẽ. Khuynh hướng ôn hòa do Thượng tọa TÂM CHÂU lãnh đạo chấp nhận kết quả tạm thời và kêu gọi Phật tử ngừng tranh đấu chờ chính phủ giải quyết. Khuynh hướng quá khích do Thượng tọa Trí Quang chỉ huy quyết tranh đấu tới cùng tại địa bàn hoạt động ở miền Trung. Lợi dụng sự phân hóa trầm trọng này, ngày 15-5-1966, năm tiểu đoàn Thủy quân lục chiến được lệnh đổ bộ lên Đà Nẵng để dẹp "phiến loạn". Đến ngày 23-5-1966 thì quân đội chính phủ làm chủ tình hình tại đây. Riêng ở Huế, đầu não cuộc đấu tranh, vẫn tiếp tục biểu tình, đình công, bãi thị. Chủ trương bài ngoại và bạo động bộc phát mạnh, phòng thông tin, tòa lãnh sự Hoa Kỳ bị đốt phá ngày 26-5-1966. Người Mỹ bị hành hung trên đường phố. Ngày 5-6-1966 Thủy quân lục chiến từ Đà Nẵng tiến ra Huế với sự yểm trợ của phi cơ và chiến xa. Thượng

tọa TRÍ QUANG kêu gọi Phật tử mang bàn thờ ra đường để ngăn chặn sự tiến quân. Cuối cùng thì cuộc tranh đấu vẫn bị dẹp yên vào ngày 25-6-1966 tại cố đô Huế.

Đây là lần thất bại nặng nề nhất đối với Phật giáo. Ngoài việc không đạt được mục tiêu, hàng trăm Phật tử bị chết, cán bộ trung kiên của Phật giáo trong quân đội và guồng máy Hành chánh tại miền Trung bị cách chức thuyên chuyển hay đẩy đi Côn đảo. Giáo hội mất niềm tin nơi tầng lớp sinh viên, học sinh qua việc chia rẽ giữa các vị lãnh đạo mà cho tới nay vẫn không hàn gắn được.

Tình hình ổn định dần, chính phủ Nguyễn cao Kỳ tiến hành việc bầu cử Quốc hội Lập Hiến đúng ngày 11-9-1966. Ngày 3-9-1967 chính quyền, căn cứ theo Hiến Pháp (1-4-67), tổ chức bầu cử Tổng Thống, Phó Tổng Thống và Thượng Nghị Viện. Tiếp theo là cuộc bầu cử Hạ Nghị Viện ngày 22-10-1967. Tất cả các cuộc bầu cử trên đều bị Phật giáo tẩy chay. Thái độ này làm cho Phật giáo, tuy là một tôn giáo chiếm đa số, không có ảnh hưởng đối với các cơ cấu lãnh đạo Quốc gia. Quốc hội phần nhiều thuộc khuynh hướng Thiên Chúa giáo.

Nhận thấy thời thế đã đổi thay, chính tình dần dần ổn định nhờ các chiến thắng quân sự và cơ chế lãnh đạo khá vững vàng, tranh đấu bằng bạo động, bất hợp pháp không thích hợp nữa, mà còn làm cho Phật giáo suy yếu thêm, cấp lãnh đạo Phật giáo, kể từ năm 1970, bắt đầu thay đổi chiến thuật. Từ những cuộc tranh đấu ngoài đường để nhận lãnh lựu đạn cay và ma trác, Giáo hội tìm cách đưa đại diện vào tranh đấu hợp pháp tại Nghị trường. Do đó Giáo hội tích cực tham gia hai cuộc tranh cử vào Quốc hội trong năm 1970 và 1971.

Chương hai

Phật giáo và kỳ bầu cử bán phần Thượng viện 30.8.70

/(hông phải đây là lần đầu tiên tham gia bầu cử sau gần 4 năm tẩy chay, thực sự Phật giáo đã bắt đầu nhập cuộc trong kỳ bầu cử Hội Đồng Đô, Tỉnh, Thị xã ngày 28-6-1970 nhưng theo Thượng tọa HUYỀN QUANG phát ngôn nhân chính thức của GHPGẤQ: "Số dĩ đã không vận động tích cực trong cuộc bầu cử này vì các hội đồng Tỉnh không quan trọng, các Nghị viên không có thực quyền và Phật giáo cần dồn toàn lực vào cuộc bầu cử bán phần Thượng Nghị Viện." (1)

Do đó, ảnh hưởng của Phật giáo trong kỳ bầu cử này không bằng kỳ bầu cử hội đồng Đô, Tỉnh, Thị xã ngày 30-5-1965 thời chính phủ Phan huy Quát. Nỗ lực của Giáo hội nhằm vào kỳ bầu cử quan trọng hơn: bán phần Thượng Nghị Viện.

Chương này gồm các vấn đề:

- Hình trạng tổng quát cuộc bầu cử.
- Hoạt động của Phật giáo trong kỳ bầu cử.
- Kết quả Phật giáo thu được.

(1) Hoàng xuân Hào, Phật Giáo và Chính Trị tại Việt Nam Ngày Nay. Luận án (Sài Gòn:Viện Đại Học Sài Gòn, 1972) Tr.300 .

ĐOẠN I

HÌNH TRẠNG TỔNG QUÁT

Sau lần thất bại chua cay năm 1966, Phật giáo lại phải gánh chịu sự thiệt hại lớn lao về vật chất lẫn tinh thần trong biến cố Tết Mậu Thân (1968). Biến cố đã tàn phá phần lớn các tỉnh miền Trung và nhất là cố đô Huế, trung tâm Phật giáo Việt Nam. Tự viện bị hư hại, hàng ngàn dân Huế, mà đa số là tín đồ thuần thành của Phật giáo bị tàn sát. Trước cảnh tang tóc đau thương này, tinh thần dân chúng địa phương chán nản tột độ. Chính những sự kiện đó làm cho tiềm lực đấu tranh của Phật giáo bị suy yếu hẳn. Thời gian này không có một cuộc vận động qui mô nào để chống chính quyền, tất cả đều dành cho việc cứu trợ, tái thiết.

Chính quyền không gặp những káo trộn như trước năm 1967, tuy cũng phải đối phó với những cuộc tranh đấu lẻ tẻ của các nhóm thương phế binh do Trương Văn Bộ và Nguyễn Rô lãnh đạo. Đáng để ý nhất là cuộc nổi dậy của y sĩ Hà Thúc Nhơn tại quân y viện Nha Trang để chống tham nhũng, nhưng chỉ vài hôm thì bị dập yên.

A/ Cuộc bầu cử bán phần Thượng Nghị Viện năm 1970 diễn ra trong khung cảnh chính trị quân sự sau đây:

- Phật giáo chấm dứt thái độ tẩy chay, hưởng ứng việc bầu cử.
- Chương trình bình định phát triển của chính phủ tương đối thành công sau các chiến thắng quân sự; chính phủ đã kiểm soát được đa số đất đai và dân chúng trên toàn quốc.

B/ Tổng số cử tri:

Danh sách cử tri toàn quốc:

- Niêm yết lần thứ nhất ngày 10-7-1970: 6.118.485
- Niêm yết lần thứ hai ngày 10-8-1970 : 6.578.682

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

Số cử tri niêm yết lần thứ hai so với lần đầu tăng được 459.597 cử tri, so với cử tri bầu cử Thượng Nghị Viện năm 1967 tăng đến 724.698 cử tri.

C/ Số cử tri tham gia bầu cử:

Theo kết quả của hội đồng tuyển cử trung ương thi trên toàn quốc có 4.298.962 cử tri đi bỏ phiếu. Tỷ lệ 65,35%.

Quân khu I	tỷ lệ đầu phiếu	70%
Quân khu II	"	71,3%
Quân khu III	"	59,3%
Quân khu IV	"	66,4%

Tỷ lệ đầu phiếu tại Quân khu I và II cao hơn tại Quân khu III và IV, phải chăng do sự tham gia tích cực của quần chúng Phật tử? Trong 44 đơn vị, Phước Long dẫn đầu với tỷ lệ đầu phiếu cao nhất: 85,28%. Tỷ lệ thấp nhất ở tỉnh Gia Định: 49,28%.

Tổng số phiếu bỏ trong kỳ bầu cử là: 9.929.008 phiếu, có 111.270 phiếu bất hợp lệ.

Với những điều kiện và khung cảnh thuận lợi như trên, nhiều người lấy làm ngạc nhiên khi thấy tỷ lệ dân chúng tham gia bầu cử trên toàn quốc kỳ này rất thấp. Thấp hơn các kỳ bầu cử Đô, Tỉnh, Thị xã. Sự kiện này có thể giải thích 2 cách:

- Dân chúng quá chán nản trước hành vi lem nhem của các vị dân cử trong Quốc hội. Mất tin tưởng vào quyền Lập pháp khi thấy Hành pháp luôn luôn thắng Lập pháp.
- Chính quyền muốn trắc nghiệm lực lượng của các đoàn thể chính trị, tôn giáo, nên không can thiệp như các kỳ bầu cử trước. Dù cho đối lập có thắng cử thì cũng ở địa vị thiểu số ở Quốc hội, chẳng trở ngại gì mà còn làm đẹp thêm cho bề độ.

D/ Các liên danh ứng cử:

Có tất cả 16 liên danh nộp đơn ứng cử, gồm 160 ứng cử viên để tranh 30 ghế tại Thượng nghị viện. Tỷ lệ 18%.

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP
LVHC 208

Liên danh 1, dấu hiệu Mặt Trời: ông Huỳnh văn Cao thụ ủy. Được Thiên chúa giáo và các giáo phái miền Nam ủng hộ. Thân chính quyền.

Liên danh 2, dấu hiệu Kỳ Lân: ông Nguyễn anh Tuấn thụ ủy.

Liên danh 3, dấu hiệu Bông Huệ: ông Nguyễn văn Huyền thụ ủy. Dựa vào lực lượng Thiên chúa giáo và thị dân miền Nam.

Liên danh 4, Cáp Tiến: ông Nguyễn ngọc Huy thụ ủy, liên danh chính thức của Phong trào Quốc gia Cấp tiến đưa ra. Dự luận tiên bầu cử cho rằng liên danh được sự ủng hộ ngầm của Phật giáo (ẤN QUANG).

Liên danh 5, dấu hiệu Cá Nước. Do ông Nguyễn cao Hách thụ ủy. Được GHPGVNQT ủng hộ.

Liên danh 6, dấu hiệu cái Nhà. Ông Trương vĩnh Lễ làm thụ ủy. Được hậu thuẫn của Thiên chúa giáo và những người luyện tiếu chế độ Ngô đình Diệm.

Liên danh 7, dấu hiệu Mẹ bồng con. Ông Trương công Cửu thụ ủy. Cùng một hậu thuẫn giống liên danh 6.

Liên danh 8, dấu hiệu Sao Mai, danh hiệu Đại đoàn kết. Ông Nguyễn gia Hiến thụ ủy, được khối Thiên chúa giáo Bắc Việt di cư ủng hộ.

Liên danh 10, danh hiệu Cách mạng, dấu hiệu Gà gáy sáng. Do ông Phan bá Cầm đứng thụ ủy được lực lượng Dân tộc Việt ủng hộ.

Liên danh 11, dấu hiệu Hoa Sen, danh hiệu Dân Tộc, do ông Vũ văn Mẫu làm thụ ủy. Gồm các ứng cử viên: Nguyễn duy Tài, Bùi tường Huân, Trần quang Thuận, Trần duy Đôn, Ksor-Rot, Phạm đình Ái, Tôn thất Niệm, Tôn thất Đình, Tôn ái Liên.

Đây là liên danh chính thức được GHPGÁQ ủng hộ tranh cử. Phần lớn ứng cử viên là những cư sĩ nổi tiếng hoặc rất thân tình đối với các vị lãnh đạo Phật giáo Trung phần.

Lập trường tranh cử của liên danh này là lập trường của GHPGÁQ: hòa bình dân tộc, độc lập Quốc gia và công bằng xã hội.

Liên danh 9, dấu hiệu Bông Lúa. Ông Nguyễn văn Canh thụ ủy. Liên danh của đảng Đại Việt Cách Mạng đưa ra.

Liên danh 12, danh hiệu Nông Công Bình. Ông Nguyễn hữu Tố thụ ủy. Đa số các ứng cử viên thuộc thành phần quân nhân trẻ.

Liên danh 13, dấu hiệu Chim hòa bình. Danh hiệu Liên Minh Liên Tôn Phật giáo Dân chủ. Do Thượng tọa Thích thiện Pháp thụ ủy.

Liên danh 14, dấu hiệu 3 Bông Sen. Ông Nguyễn đại Bàng thụ ủy. Gồm một số dân biểu trẻ có khuynh hướng Phật giáo. Dự luận cũng cho rằng liên danh này được GHPGÁQ ủng hộ ngầm.

Liên danh 15, dấu hiệu Lư Đồng. Do Bà Nguyễn phước Đại thụ ủy. Có nhiều nhân vật liên lạc thân thiết với các vị lãnh đạo Phật giáo. Dự luận cho rằng GHPGÁQ sẽ ủng hộ liên danh này.

Liên danh 16, dấu hiệu 3 Cây Chụm Lại. Ông Nguyễn tiến Hỷ thụ ủy. Được chính quyền yểm trợ.

Thành phần ứng cử viên được phân tích như sau:

- 22 Nghị sĩ tái ứng cử.	Tỷ lệ 13%.
- 06 Dân biểu	03,5%
- 36 giáo chức	22%
- 11 công chức	13%
- 15 thẩm phán, luật sư	09%
- 08 bác sĩ, dược, nha sĩ	04%
- 02 kỹ sư	01,3%
- 21 doanh thương	12,5%
- 02 ký giả	01,3%

- 52 quân nhân

32% (1)

ĐOẠN II

HOẠT ĐỘNG CỦA PHẬT GIÁO TRONG KỲ BẦU CỬ

Trên nguyên tắc, các nhà lãnh đạo Phật giáo vẫn chủ trương không đưa người ra tranh cử. Điều này thật dễ hiểu, nếu Giáo hội công khai lập liên danh ứng cử thì:

- Giáo hội chính thức xác nhận từ bỏ lập trường "đòi xóa bỏ nền đệ II Cộng hòa do Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu lãnh đạo". Giáo hội bắt đầu cộng tác với chính quyền để bảo vệ chế độ.
- Giáo hội gắn liền với liên danh tranh cử, thất bại hay thành công của liên danh, liên quan mật thiết đến uy tín của Giáo hội đối với tín đồ và bên ngoài.

Nhưng dù có giải thích cách nào thì căn cứ vào thực tế, mọi người đều thấy liên danh Hoa Sen chính thức đại diện cho GHPGÁQ ra tranh cử. Sự thành công hay thất bại của liên danh do Phật giáo quyết định.

Để vận động tranh cử, Giáo hội hoạch định một kế hoạch tinh vi qua việc phát hành 2 cuốn cẩm nang I và II dành cho các ban vận động của liên danh Hoa Sen từ Trung ương đến địa phương.

Giáo hội thành lập một hệ thống vận động song song với hệ thống chính thức và công khai của liên danh Hoa Sen. Trong cẩm nang II ghi: "Muốn thành lập ban vận động Trung ương và địa phương, ứng cử viên và đại diện phải tiếp xúc với đại diện các đoàn thể, đại diện Giáo hội các cấp."

Theo Cẩm nang, để nỗ lực vận động cho liên danh Hoa Sen, Phật giáo áp dụng 2 phương thức và 3 kỹ thuật sau: (2)

(1) Nguyễn chính Đoan, 'Các Khuynh hướng chính trị tại VN qua cuộc bầu cử ban phân Thượng viện ngày 30-8-1970'. Nghiên Cứu Hành Chánh, số 2 (tháng 4,5,6-1971) tr. 125

(2) Hoàng xuân Hào, Op.cit, tr. 304, 305.

- Phương thức nói: phát truyền đơn, dán bích chương, sử dụng các phương tiện thông tin như vô tuyến truyền thanh, truyền hình, báo chí. Phương thức này do chính các ứng cử viên và các đoàn thể Phật giáo như Thanh niên, Sinh viên, Học sinh Phật tử, các đoàn thể chuyên nghiệp phụ trách.
- Phương thức chim: vận động rỉ tai trong các giới thợ thuyền, lao động. Do các khuôn hội Phật giáo đảm trách.

Ba kỹ thuật sau đây được thực hiện:

- Kỹ thuật tràn ngập: áp dụng trong hai ngày bắt đầu và kết thúc chương trình vận động công khai. Các đoàn thể Phật giáo đảm trách việc phân phát truyền đơn, dán bích chương khắp nơi.
- Kỹ thuật phân lô: chia vùng hoạt động thành từng lô nhỏ, giao phó cho từng cá nhân vận động với khẩu hiệu: không sót người nào, không sót nhà nào.
- Kỹ thuật liên tục: công tác tuyên truyền rỉ tai được thường xuyên thực hiện, do các giới phụ nữ Phật tử đảm trách nhằm gây ảnh hưởng mạnh mẽ đối với tâm lý cử tri.

Với các phương thức và kỹ thuật phân tích trên, các Giáo hội địa phương vận động một cách có hiệu quả, nhất là tại các tỉnh Trung phần. Các vị học tăng trẻ tuổi đi đến từng khuôn hội trong các buổi lễ để giới thiệu, trình bày lập trường đường lối của liên danh Hoa Sen. Điều này khiến cho liên danh Hoa Sen tự nhiên có một liên lạc tinh thần đối với cử tri Phật giáo, đồng thời từ thành thị đến thôn quê, mọi người đều biết đến liên danh Hoa Sen. Công tác này các Giáo hội địa phương ít gặp trở ngại khó khăn, vì phần lớn ứng cử viên đều có thành tích "Bảo vệ đạo pháp". Ứng cử viên Vũ Văn Mậu với quá khứ xuống tóc đi hành hương để ủng hộ cuộc tranh đấu thần thánh năm 1963. Các ứng cử viên thuộc gia đình Tôn thất tiếng tăm tại cố đô Huế như Tôn thất Niệm, Trần Quang Thuận, Tôn thất Đình (chủ tịch Nguyễn Phước Tộc) vẫn còn ảnh hưởng đối với dân miền Trung.

ĐOẠN III

KẾT QUẢ PHẬT GIÁO THU ĐƯỢC TRONG KỲ BẦU
CỬ BÀN PHẦN THƯỢNG NGHỊ VIỆN 30-8-1970.

Trước khi có kết quả nhiều người đã tiên đoán được sự thành công của liên danh Hoa Sen. Điểm đáng lưu ý là liên danh đã thắng cử về vang ngoài dự ước của chính GHPGẮQ.

Suốt thời gian vận động tranh cử, Phật giáo và liên danh Hoa Sen tung nguồn tin là chính quyền có âm mưu gian lận để loại bỏ thành phần đối lập và đưa các liên danh thân chính quyền vào Thượng viện. Đây chỉ là chiến thuật tranh cử thông thường. Nhưng với quyết định "một Phật tử chỉ bỏ một phiếu cho liên danh Hoa Sen" cho thấy Giáo Hội không lạc quan mấy về hậu thuẫn của mình. Trái lại các liên danh như Mặt Trời, Bông Huệ qui tụ được nhiều điều kiện thuận lợi:

-Được hậu thuẫn chắc chắn của cử tri Thiên Chúa Giáo rất có kỷ luật cộng với sự ủng hộ mạnh mẽ của các giáo phái miền Nam.

-Thân thiện với chính quyền nên chắc chắn được chính quyền ngầm ngầm yểm trợ.

Trong khi liên danh Hoa Sen chỉ trông cậy vào sự ủng hộ duy nhất của khối Phật Giáo tranh đấu. Phần lớn ứng cử viên là Phật tử, thiếu những nhân sĩ uy tín của các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo, một lực lượng quan trọng tại miền Nam. Với 2 ứng cử viên Nguyễn duy Tài và Tôn ái Liêng không đủ sức lôi cuốn cử tri như một Trần văn Hương hay Lê phước Sang tại Nam Phần.

Với các điều kiện vừa phân tích, nhưng kết quả liên danh Hoa Sen đã dẫn đầu với 1.149.597 phiếu. Hơn liên danh Mặt Trời, về nhì 43.309 phiếu và liên danh Bông Huệ về ba đến 267.323 phiếu. Để nhận rõ sự ủng hộ đối với liên danh Hoa Sen và cũng là sức mạnh của Phật giáo trên toàn quốc, kết quả bầu cử được trình bày theo từng Quân khu.

<u>QUẬN KHU I</u>			
Đơn vị	Số phiếu bầu LD. Hoa Sen	Tổng số phiếu	Vị thứ
Quảng Trị	50.560	182.870	1
Thừa Thiên	73.973	269.663	1
Thị xã Huế	25.141	73.915	1
Quảng Nam	60.511	298.093	1
Thị xã Đà Nẵng	51.840	231.883	1
Quảng Tín	30.358	274.917	4
Quảng Ngãi	60.450	353.180	1
<u>QUẬN KHU II</u>			
Bình Định	105.339	597.489	1
Phủ Yên	43.039	183.965	1
Khánh Hòa	39.760	216.017	1
Ninh Thuận	26.442	124.424	1
Bình Thuận	37.849	197.606	1
Thị xã Cam Ranh	25.141	73.915	1
Thị xã Đà Lạt	8.148	46.873	1
Kontum	7.621	105.856	5
Pleiku	13.115	128.144	3
Darlac	14.024	168.071	4
Lâm Đồng	3.775	51.228	4
Quảng Đức	2.378	29.116	6
Phú Bổn	7.714	47.147	1
Tuyên Đức	6.133	71.470	5

Với kết quả trên, trong 21 tỉnh thuộc Trung phần, liên danh Hoa Sen dẫn đầu tại 15 tỉnh. Trừ Quảng Tín và các tỉnh ở Cao nguyên vùng đất mới mà Phật giáo chưa gây dựng thế lực mạnh bằng Thiên chúa giáo. Tại các đơn vị trong Quận khu I và II vì cử tri Phật giáo được lệnh của Giáo hội chỉ bỏ 1 phiếu cho liên danh Hoa Sen, nên số phiếu của liên danh này vượt rất xa các liên danh khác.

Thí dụ:

<u>Đơn vị</u>	<u>LD BÔNG SEN</u>	<u>LD MẶT TRỜI</u>	<u>LD BÔNG HUỆ</u>	<u>Tổng số</u>
Quảng Trị	50.560	12.121	9.745	182.870
Thừa Thiên	73.973	14.181	16.137	269.663
Khánh Hòa	39.760	15.210	15.438	216.617
Phú Yên	43.039	11.416	8.828	183.965

Số phiếu dành cho liên danh Hoa Sen gần 40% so với tổng số phiếu tại phần lớn các đơn vị miền Trung. Điều này chứng minh sức mạnh của Phật giáo gắn liền với khối Phật tử thuần thành ở Trung phần và chính khối cử tri kỷ luật này quyết định sự thắng cử về vang của liên danh Hoa Sen.

<u>QUẬN KHU III</u>			
<u>Đơn vị</u>	<u>Số phiếu bầu LD. Hoa Sen</u>	<u>Tổng số phiếu</u>	<u>Vị thứ</u>
Biên Hòa	17.826	271.730	6
Gia Định	56.406	674.102	3
Bình Dương	16.614	192.524	2
Bình Long	5.656	54.567	3
Bình Tuy	9.364	55.526	1
Hậu Nghĩa	10.626	150.330	6
Long An	14.842	229.530	6
Long Khánh	6.170	98.334	6
Phước Long	4.438	50.567	3
Phước Tuy	8.090	92.267	4
Tây Ninh	12.419	212.074	6
Đô Thành Sài Gòn	88.291	794.022	3
<u>QUẬN KHU IV</u>			
An Giang	19.299	270.765	4
An Xuyên	6.353	112.049	5
Ba Xuyên	12.840	223.577	8
Bạc Liêu	12.779	133.944	1

Châu Đốc	15.867	283.726	3
Chương Thiện	7.569	123.243	8
Định Tường	20.230	274.643	3
Gò Công	11.022	127.936	4
Kiên Giang	11.447	194.315	8
Kiến Hòa	24.911	313.790	3
Kiến Phong	13.544	183.370	3
Kiến Tường	2.682	29.291	3
Phong Dinh	15.926	212.887	4
Sađéc	11.365	170.145	5
Vĩnh Bình	16.375	200.640	4
Vĩnh Long	13.147	311.761	6

Vượt khỏi các tỉnh miền Trung, tại các đơn vị miền Nam, liên danh Hoa Sen mất dần hậu thuẫn. Tín đồ Phật giáo miền Nam chưa được tổ chức thành đoàn thể chặt chẽ lại thuộc nhiều tông phái biệt lập, không thuần nhất như ở Trung phần. Trong 28 tỉnh miền Nam, liên danh Hoa Sen chỉ dẫn đầu tại 2 đơn vị Bình tuy và Bạc Liêu còn các đơn vị khác đa số xếp hàng 5, 7.

NHẬN XÉT-

Sự đắc cử của liên danh Hoa Sen cho thấy, sau những lần chia rẽ, thất bại, Phật giáo vẫn có một sức mạnh chính trị đáng kể tại miền Nam. Uy tín Giáo hội phần nào phục hồi nhờ kết quả tốt đẹp của cuộc bầu cử ngày 30-8-1970. Sự đắc cử này đem lại cho GHPGÁQ những lợi điểm sau:

- Xác nhận trước dư luận rằng, Giáo hội không bị chia rẽ trầm trọng. Lực lượng hùng mạnh của Giáo hội vẫn được duy trì, PGVNQT chỉ là nhóm thiểu số, bằng chứng là khối này ủng hộ liên danh 5, dấu hiệu Cá Nước đã thất bại thảm nặng trong kỳ bầu cử (về chót).
- Sau gần 4 năm củng cố lại nội bộ, Phật giáo đã đầy đủ khả năng đương đầu với các lực lượng khác trong việc bầu cử. Đường lối mà GHPGÁQ theo đuổi được đa số tín đồ hậu thuẫn.

Về phía chính quyền, mặc dù sự đắc cử của liên danh Hoa Sen làm cho khối Đối lập tại Quốc hội mạnh hơn, nhưng vẫn không chiếm được đa số. Sự đắc cử của liên danh Hoa Sen cho thấy chính quyền không gian lận bầu cử. Khối Đối lập quan trọng là Phật giáo từ đây bắt đầu công nhận chế độ đệ II Cộng Hòa, chứng tỏ cho dư luận quốc nội và quốc ngoại thấy miền Nam thực sự ổn định chính trị. Nền dân chủ tiến triển khả quan sau 4 năm lãnh đạo của Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu. Nói chung thì kết quả bầu cử đã làm hài lòng cả đối lập lẫn chính quyền.

Vấn đề đặt ra là sự đắc cử của liên danh Hoa Sen tùy thuộc vào yếu tố Phật giáo, điều này có quá chủ quan không?

Dư luận tiên bầu cử cho rằng ngoài liên danh Hoa Sen, Phật giáo còn ủng hộ các liên danh 4 Cấp Tiến, 14 Ba Bông Sen và 15 Dân Tộc Hòa Bình (Lư Đồng). Nhưng kết quả chỉ có liên danh Hoa Sen đắc cử, phải chăng yếu tố Phật giáo chỉ phụ thuộc và các liên danh đắc hay thất cử tùy thuộc vào các yếu tố quan trọng hơn?

Sự thực dư luận khác biệt với quyết định tối hậu của cấp lãnh đạo Phật giáo.

- Đối với liên danh 4, Cấp Tiến, tuy do một lực lượng chính trị thành lập để tranh cử nhưng liên danh có một vài ứng cử viên liên lạc thân tình với các Thượng tọa miền Nam. Ban đầu Giáo hội tỏ ý sẽ ủng hộ cho liên danh này, vào giờ chót, các Thượng tọa lãnh đạo Phật giáo miền Trung thay đổi ý kiến: chỉ ủng hộ một liên danh Hoa Sen mà thôi.

Phong trào Quốc Gia Cấp Tiến, hậu thuẫn cho liên danh 4, tuy là một lực lượng chính trị mới thành lập nhưng đã gây được ảnh hưởng khá mạnh tại Nam phần. Tại miền Trung thì phong trào chưa tạo được thế lực đáng kể. Số phiếu ủng hộ liên danh 4 tại các tỉnh miền Trung quá thấp kém. Nếu liên danh này được cử tri Phật giáo miền Trung ủng hộ thì có nhiều hy vọng thắng cử, kết quả liên danh về thứ 5.

Sự thất cử của liên danh 4 suýt là nguyên nhân gây nên

phân hóa nội bộ GHPGẮQ. Ngay sau khi có kết quả, Thượng tọa Thiện Hoa, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, bất mãn bỏ về Trà Ôn. Thượng tọa Trí Quang về Huế. Rất may là các cư sĩ có uy tín lớn với Giáo hội như Lưu giang Hà và Trần tấn Quốc dàn xếp kịp thời.

- Liên danh 14, Ba Bông Sen. Liên danh gồm các ứng cử viên vốn là các Dân biểu từng được Phật giáo ủng hộ tranh cử vào Hạ nghị viện như Nguyễn đại Bảng, Trần công Quốc, Đàm quang Đôn. Trong kỳ bầu cử Dân biểu pháp nhiệm I, quả thực các Giáo hội Phật giáo địa phương đã ủng hộ các Dân biểu trên, điển hình là Dân biểu Nguyễn đại Bảng tại thị xã Huế. Tuy nhiên sau khi đắc cử vào Hạ viện, các vị Dân biểu đó không làm được gì cho dân chúng cũng như Giáo hội. Thị xã Huế, nơi có đông đảo tín đồ Phật giáo, bất mãn Dân biểu Nguyễn đại Bảng, khi thấy ông ta rất tiêu cực đối với sự thiệt hại rất lớn lao của đồng bào trong biến cố Tết Mậu Thân. Vì lẽ đó liên danh 14, Ba Bông Sen do ông Nguyễn đại Bảng thụ ủy không nhận được một sự ủng hộ nào của Giáo hội Trung ương cũng như địa phương. Có chăng chỉ là một sự lầm lẩn của tín đồ đối với dấu hiệu BÔNG SEN mà thôi.
- Liên danh 15, Lư Đồng. Liên danh này do bà Nguyễn phúc Đại thụ ủy với sự hiện diện của các cựu tướng lãnh như Tôn thất Xứng, Nguyễn văn Chuân. Các ứng cử viên này vốn có liên lạc thân thiết với các vị lãnh đạo Phật giáo miền trung trước năm 1967. Sự liên lạc này không phải là yếu tố để Phật giáo tích cực ủng hộ khi biết rằng giáo hội không chi phối được những nhân vật này nếu đắc cử.
Qua nhận xét đó ta thấy dự luận đã sai lầm khi tin rằng các liên danh trên được Phật giáo ủng hộ cũng như dự luận cho rằng các liên danh 1-Mặt trời, 6-Cái nhà, 16-Ba cây chụm lại được chính quyền yểm trợ và chắc chắn lọt vào Thượng viện. Kết quả chỉ có liên danh Mặt Trời đắc cử nhờ hội được nhiều điều kiện thuận lợi hơn là sự hậu thuẫn của chính quyền. Đây là kinh nghiệm cho thấy dự luận trong các kỳ bầu cử rất chủ quan và sai lầm, thường do các phe phái tranh cử tung ra để gây áp lực với chính quyền hay ảnh hưởng trên tâm lý cử tri.

BẢNG 1. LÝ DO BẦU CÁC LIÊN DANH (1)

LIÊN DANH	LÝ DO	(1) Khả năng UCV	(2) Đức độ	(3) Cảm tình riêng	(4) Lập trường nhân dân	(5) Tượng trưng Tôn giáo	(6) Ảnh hưởng người khác	(7) LT chống trung lập	(8) Nam Nữ tuổi tác	(9) Lập trường Hòa bình	(10) Nỗ lực tự giới thiệu
1-N.V.V. Huyện	151	109	22	13	11	14	14	2	9	1	
2-V.V. Mẫu	126	26	53	26	42	21	2	6	18	1	
3-H.V. Cao	52	8	17	6	7	6	14	4	1	2	
4-N.C. Hách	35	6	29	5	8	6	1	4	1	2	
5-N.P. Đợt	31	5	7	23	6	4	1	6	4	2	
6-N.N. Huy	23	13	16	17	1	6	6	13	1	2	
7-T.V. Lê	18	3	8	4	1	4	4	1	1	2	
8-N.C. Cửu	19	3	5	4	8	3	4	1	1	1	
9-N.H. Tô	7	1	7	10	-	3	3	21	-	-	
10-N.D. Bằng	2	-	2	11	17	-	-	1	3	1	
11-N.A. Tuấn	18	-	2	2	-	5	-	8	2	-	
12-N.G. Hiến	8	2	9	2	4	-	15	2	-	-	
13-N.T. Hỷ	8	2	-	7	-	1	5	1	-	-	
14-P.B. Cẩm	11	1	5	2	-	1	1	1	-	-	
15-N.V. Canh	3	-	1	2	-	-	-	1	-	-	
16-N.V. Lai	1	-	2	1	2	1	-	1	-	1	
Tổng số cho toàn thể các LD	511 37,5%	180 13,2%	165 12,8%	125 9,2%	106 7,7%	80 5,8%	74 5,4%	71 5,2%	39 2,8%	13 1%	

(1) Từ văn Đại, Thái độ ở trị trong cuộc bầu cử BPTW 1970, NCHC I(1,2,3-71) tr.77 và kế tiếp

Trở lại việc đắc cử của liên danh Hoa Sen, theo sự nghiên cứu của giáo sư TẠ VĂN TÀI thì: "yếu tố tôn giáo của cử tri đùn đẩy tác phong của họ nhưng cũng phải có sự hỗ trợ bởi uy tín cá nhân của ứng cử viên." (1)

Nhận định trên có tính cách tổng quát về thực trạng bầu cử tại VNCH hiện nay. Kết quả bầu cử cho thấy:

- Liên danh 1 (Mặt Trời), liên danh 3 (Bông Huệ) đắc cử nhờ hậu thuẫn của khối cử tri Thiên chúa giáo.
- Liên danh 11 (Bông Sen) đắc cử dựa vào thế lực của Phật giáo.

Ngoài hậu thuẫn chính yếu là tôn giáo, sự đắc cử của các liên danh trên còn tùy thuộc phần nào vấn đề uy tín cá nhân, khả năng, đức độ...

Đối với cử tri Thiên chúa giáo: Giáo hội đóng vai trò khách quan, chỉ khuyến khích tín đồ tích cực tham gia bỏ phiếu không bày tỏ ủng hộ một liên danh nào. Bốn liên danh có khuynh hướng Thiên chúa giáo là: LD 1 (Mặt Trời), LD 3 (Bông Huệ), LD 7 (Mẹ Bồng Con), LD 8 (Đại Đoàn Kết). Cử tri Thiên chúa giáo cân nhắc, chọn lựa kỹ lưỡng lập trường, khả năng của ứng cử viên trong các liên danh trên.

Cử tri Phật giáo: Giáo hội chính thức ủng hộ liên danh 11 (Bông Sen). Ngoài các đoàn "Như Lai sứ giả" được thành lập tại trung ương, ở địa phương, nhất là tại miền Trung, Tăng sĩ được cử đi tuyên truyền vận động cho liên danh Hoa Sen từ thị thành cho đến thôn quê. Kế hoạch, chương trình tranh cử do Giáo hội trung ương đề ra được thi hành nghiêm chỉnh và có hiệu quả. Đồng bào nông thôn phần lớn không quan tâm đến sinh hoạt chính trị, trong các kỳ bầu cử họ coi việc bỏ phiếu như là bổn phận phải thi hành để tránh "khó khăn". Đa số thành phần cử tri này tại miền Trung là Phật tử thuần thành, có tổ chức chặt chẽ,

(1) Tạ Văn Tài, 'Thái độ cử tri trong cuộc bầu cử bán phần Thượng Nghị Viện 1970', NCHC 1 (tháng 1, 2, 3-1971) tr.78

BẢNG I. PHƯƠNG TIỆN NHỎ ĐÓ BIẾT ĐẾN CÁC LIÊN DANH (1)

Các phương tiện Các L. Danh	(1) Báo chí	(2) Bích Chương Biểu ngữ	(3) Truyền thanh Truyền hình	(4) Ri tạt tuyên truyền cátôchức	(5) ảnh hướng của người khác	(6) Định kiến	(7) Cam tình với cả nhân	(8) Bảng đủ thứ
1-N.V. Huyện	216	150	108	37	33	34	6	11
2-V.V. Miền	152	135	85	67	32	34	16	11
3-H.V. Cao	66	59	53	25	11	12	3	4
4-N.C. Hách	45	50	52	17	9	6	15	1
5-N.P. Đại	31	43	56	14	8	4	4	0
6-N.N. Huy	25	22	25	9	10	5	7	8
7-T.V. Lê	27	39	30	13	10	2	1	1
8-T.C. Cửu	19	28	25	12	3	6	0	3
9-N.H. Tố	18	27	30	5	4	6	0	1
10-N.Đ. Bàng	23	23	13	12	5	1	0	3
11-N.A. Tuấn	14	22	28	3	4	4	0	2
12-N.G. Hiến	23	20	11	7	7	4	1	1
13-N.T. Mỹ	19	12	17	7	2	2	0	0
14-P.B. Cầm	5	10	10	8	3	1	0	1
15-N.V. Canh	2	6	7	0	0	1	0	2
16-N.V. Lai	4	9	6	1	3	2	0	0
Tổng số	689	655	636	237	144	125	53	49

(1) Ibid, tr 97.

tin tưởng tuyệt đối sự lãnh đạo của các Thầy. Họ được chỉ thị bỏ 1 phiếu cho LD Hoa Sen, sự kiện này giúp cho LD Hoa Sen dẫn đầu phần lớn các đơn vị thuộc miền Trung với số phiếu rất cao.

Tuy nhiên ngoài hậu thuẫn chắc chắn trên, LD Hoa Sen còn được chú ý đến nhờ các dữ kiện khác. UCV Vũ Văn Mẫu: nổi danh trong chính giới; Phạm đình Ái, Bùi tường Huân: trong học giới; Nguyễn duy Tài, Tôn thất Niệm trong y giới... đã thu hút một số phiếu khá lớn không theo khuynh hướng PGÁQ, mà của các thành phần sau:

- Thanh niên trí thức, giai cấp trung lưu ở đô thị: có ý thức chính trị, không đặt nặng vấn đề tín ngưỡng mong muốn có những khuôn mặt đối lập xứng đáng tại Thượng Viện.
- Đoàn thể chính trị, tôn giáo: dù không đồng chính kiến với Phật giáo vẫn tỏ ra ủng hộ liên danh Hoa Sen vì tính cách "xứng đáng" của các ứng cử viên, chính giáo sư Nguyễn văn Bông, một lãnh tụ chính trị uy tín, cũng tuyên bố bỏ thăm cho liên danh Hoa Sen.

Nhìn vào bảng III (Tôn giáo đoàn thể và cách bỏ phiếu) trong 309 phiếu ủng hộ LD Hoa Sen, có 30 phiếu (15%) của cử tri Thiên chúa giáo, trong khi LD Lư Đồng nhận được 18 phiếu và LD Ba Bông Sen nhận được 2 phiếu.

Sự kiện này chứng minh rằng yếu tố tôn giáo chi phối mạnh mẽ khối cử tri lao động, thợ thuyền đa số ở nông thôn. Ngược lại phương diện tài đức, uy tín, thành tích có ảnh hưởng lớn đối với cử tri các đô thị. Chính nhờ hội nhập được hai điều kiện này mà liên danh Hoa Sen không những được cử tri Phật giáo hậu thuẫn tích cực còn lôi cuốn được sự ủng hộ của một vài khuynh hướng khác để đạt được kết quả vẻ vang, dẫn đầu với 1.149.597 phiếu.

Sau khi đắc cử vào Thượng viện, 10 Nghị sĩ liên danh Hoa Sen hợp với 6 Nghị sĩ còn lại của khối Dân Tộc, lập thành khối Dân Tộc, Nghị sĩ Vũ Văn Mẫu làm trưởng khối. Khối này

BẢNG III. TÔN GIÁO ĐOÀN THỂ VÀ CÁCH BỎ PHIẾU (1)

Thành phần cư tri	Số cư tri	Phật giáo	CG và Thanh	Qạo Đại	Hộ Hào	SViên Khổng giáo	SViên OGiao	NGDoàn TLĐTC	VN QĐĐ	Cấp Tiên	SViên Phynũ, Phytũ
	875 người	557 70%	197 21,3%	5 0,6%	4 0,4%	69 8,4%	3	7	2	1	4
Cách phân phối phiếu	Tổng số phiếu			Các	Loại	phiếu					
1-N.V.V. Huyện	336	180	110	1	1	28	2	1	1	-	1
2-V.V.Mẫu	309	252	30	2	1	16	-	2	-	-	2
3-H.V.Cao	115	41	61	2	4	5	1	4	-	-	-
4-N.C.Hách	107	78	14	-	-	8	-	1	1	-	-
5-N.P.Đại	90	57	18	2	-	8	1	1	-	1	-
6-N.N.Huy	74	52	8	1	-	8	-	1	-	-	-
7-T.V.Lê	68	35	23	-	-	5	-	-	-	-	-
8-T.C.Cừu	57	14	38	1	-	2	1	-	-	-	-
9-N.H.Tổ	56	38	8	-	-	3	-	-	-	-	1
10-N.Đ.Bảng	44	40	2	1	-	1	-	-	-	-	-
11-N.A.Tuấn	42	27	7	-	-	5	-	-	-	-	-
12-N.G.Hiến	39	10	28	-	1	1	1	-	-	-	-
13-N.T.Hỷ	31	17	8	1	2	5	1	-	-	1	-
14-F.B.Cầm	23	16	2	0	-	1	1	-	-	-	-
15-N.V.Canh	12	6	2	-	-	3	-	-	-	-	-
16-N.V.Lai	9	7	1	-	-	1	-	-	-	-	-

(1) Ibid, tr. 91

đứng ở tư thế đối lập với chính quyền. Trong niên khóa 1971-1972, nhờ tranh chấp quyết liệt với khối Độc Lập (bao gồm các Nghị sĩ LD Bông Huệ - Nghị sĩ Nguyễn văn Huyền làm trưởng khối), một vài ủy ban quan trọng như Ngoại giao - Thông tin, Quốc Phòng, Y tế... lọt vào tay các Nghị sĩ khối Dân Tộc.

Niên khóa 1972-1973, sau những thất bại trước phe thân Hành Pháp, sự hợp tác giữa Dân Tộc và khối Độc Lập chặt chẽ hơn. Cuộc bầu cử các chức vụ văn phòng và Chủ tịch ủy ban Thường vụ Thượng nghị viện trong ngày 5 và 6-10-1972 vô cùng gay cấn giữa các thế lực: Thân Hành Pháp - Đối Lập + Độc Lập.

Hai Nghị sĩ ứng cử chức vụ Chủ tịch:

-N.S. Nguyễn văn Huyền (Đối Lập + Độc Lập)

-N.S. Trần trung Dung (Thân Hành Pháp)

với sự hiện diện của 55 Nghị sĩ, trừ Nghị sĩ Trần quang Thuận bận công tác ở Nha Trang. Vòng đầu:

-N.S. Nguyễn văn Huyền: 26 phiếu

-N.S. Trần trung Dung : 26 phiếu

có 2 phiếu trắng và 1 phiếu bị xé. Vì không hội đủ đa số quá bán, bầu lại vòng hai:

-N.S. Nguyễn văn Huyền: 30 phiếu, đắc cử Chủ tịch TNV.

-N.S. Trần trung Dung : 25 phiếu.

Sự hỗ tương giữa 2 khối khiến cho niên khóa 1972-1973, phần lớn các Nghị sĩ thuộc khối Dân Tộc nắm giữ các chức vụ quan trọng sau:

-Đệ Nhứt Phó Chủ tịch : N.S. Võ văn Truyen.

-Chủ tịch ủy ban Canh nông : N.S. Trần duy Đôn.

-Chủ tịch ủy ban Ngoại giao Thông tin: N.S. Nguyễn duy Thì.

-ChT UB Nội viện nội qui : N.S. Tôn Ái Liêng.

- " Quốc Phòng : N.S. Tôn thất Đỉnh.

- " Văn hóa giáo dục và Thanh niên : N.S. Phạm đình Ái

- " Y tế : N.S. Tôn thất Niệm.

Khối Dân Tộc, niên khóa này chỉ còn 12 Nghị sĩ, trên

nguyên tắc điều đó khiến cho khối không còn đủ túc số và đương nhiên biến thành Nhóm tại Thượng viện. Nhưng nhìn qua các chức vụ quan trọng trên, nếu tương lai sự hợp tác hỗ tương giữa 2 khuynh hướng Độc lập và Đối lập tại Thượng viện được duy trì và phát triển thì đó là một kháng lực quan trọng nhất mà Hành pháp khó vượt qua. Điều này giúp cho sinh hoạt tại Thượng viện độc lập, không bị Hành pháp thao túng, hầu đảm nhận vai trò trọng yếu trước các biến chuyển chính trị hiện tại và tương lai.

DANH SÁCH NGHỊ SĨ NHÓM DÂN TỘC THƯỢNG VIỆN

NIÊN KHÓA 1972 - 1973

- 1- Nghị Sĩ Vũ văn Mẫu, Trưởng nhóm.
- 2- " Tôn thất Đỉnh.
- 3- " Trần duy Đôn.
- 4- " Hồng sơn Đông.
- 5- " Bùi tường Huân.
- 6- " Tôn ái Liêng.
- 7- " Tôn thất Niệm.
- 8- " Nguyễn duy Tài.
- 9- " Phạm đình Ái.
- 10- " Phan văn Tâm.
- 11- " Trần quang Thuận.
- 12- " Võ văn Truyện.

Trong năm 1971 tại miền Nam có 2 cuộc bầu cử quan trọng:

-Hạ nghị viện ngày 29-8-1971

-Tổng Thống và Phó Tổng Thống 3-10-1971.

Thái độ của Phật giáo khác nhau đối với mỗi cuộc bầu cử. Phật giáo tích cực tham gia cuộc bầu cử Hạ nghị viện và chống đối "đm ờ" trong kỳ bầu cử Tổng Thống, Phó Tổng Thống.

Bầu cử Hạ nghị viện có nhiều sắc thái và phức tạp hơn kỳ bầu cử Thượng nghị viện năm 1970. Năm 1970 từ trung ương đến địa phương, các cấp lãnh đạo Phật giáo cố gắng vận động để đưa liên danh Hoa Sen vào Thượngviện. Tầng sĩ và tín đồ Phật giáo đa số đều chấp nhận liên danh Hoa Sen là đại diện chính thức cho Giáo hội. Sự đả cử hay thất cử của liên danh này có ảnh hưởng lớn lao đến uy tín chung của Phật giáo. Kỳ bầu cử Hạ nghị viện trái lại liên hệ nhiều đến quyền lợi và uy tín của các Giáo hội địa phương hơn là Trung ương. Sự ủng hộ các ứng cử viên tùy thuộc vào quyết định của các vị Chánh đại diện GHPG cấp Tỉnh. Điều này gây ra một vài tranh chấp giữa những ứng cử viên Phật giáo.

Để nghiên cứu rõ ràng trong phần này chia thành 2 chương:

CHƯƠNG I. PHẬT GIÁO VÀ KỶ BẦU CỬ HẠ VIỆN 1971

- Hình trạng tổng quát kỳ bầu cử.
- Sự can thiệp của Phật giáo.
- Kết quả Phật giáo đạt được.

CHƯƠNG II. NGHIÊN CỨU CÁC TRƯỜNG HỢP ĐIỂN HÌNH

- Tranh chấp giữa ứng cử viên Phật giáo và ứng cử viên đảng phái.
- Tranh chấp giữa ứng cử viên Phật giáo được Trung ương và địa phương ủng hộ.

chương một

Phật giáo và kỳ bầu cử Hạ viện 1971

/// (ết quả kỳ bầu cử bán phần Thượng nghị viện năm 1970 đã khích lệ rất nhiều cho Phật giáo. Giáo hội thấy rằng dù bị thất bại qua các kỳ tranh đấu, dù bị các thế lực đen tối phá hoại nhưng khối hậu thuẫn vững mạnh, có kỷ luật nhất của Phật giáo tại miền Trung vẫn không tan rã và suy yếu.

Khác với các cuộc bầu cử trước, Giáo hội không còn tẩy chay hoặc tham gia một cách bán chính thức. Giáo hội thực sự và công khai tham gia bầu cử, điều này được xác nhận qua thông tư số 027.VHĐ ngày 16-9-1971: cuộc bầu cử năm 1967, Giáo hội đã phủ nhận vì chính quyền thời đó đã cố ý dồn Giáo hội vào thế bất hợp tác. Tuy nhiên Giáo hội đã ấn nhận chịu đựng để chờ cơ hội thuận tiện trở lại với cộng đồng sinh hoạt quốc gia hầu góp phần xây dựng đất nước."

Phải chăng Giáo hội cho rằng "cơ hội thuận tiện nhất" chính là kỳ bầu cử Hạ viện năm 1971?

ĐOẠN I

HÌNH TRẠNG TỔNG QUÁT KỲ BẦU CỬ HẠ VIỆN 1971

Năm 1971 đánh dấu một sự thay đổi quan trọng nhất về đường lối ngoại giao của Hoa Kỳ, một đồng minh có thế lực nhất của miền Nam Việt Nam. Hoa Kỳ thiết lập bang giao chặt chẽ hơn với các nước Cộng sản đàn anh như Nga Sô và Trung Cộng. Sự kiện này cộng thêm việc thay đổi sách lược đấu tranh của Cộng

sản qua nghị quyết số 9 của Trung ương cục miền Nam làm cho nhiều người tin rằng vấn đề chiến tranh Việt Nam sắp được giải quyết.

Từ các dữ kiện đó những ai quan tâm đến chính tình đều cho rằng kỳ bầu cử Hạ viện năm 1971 là một màn trặc nghiêm cho kỳ bầu cử Tổng Thống, Phó Tổng Thống. Hai cuộc bầu cử này sẽ quyết định cho vấn đề hòa bình tại Việt Nam.

Đối nội, điểm đáng lưu ý nhất là sự chia rẽ trầm trọng của cấp lãnh đạo tối cao Quốc gia. Mỗi tình gắn bó gương ép giữa Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu và Phó Tổng Thống Nguyễn cao Kỳ thực sự đổ vỡ trong năm 1971, nhất là thời gian sửa soạn bầu cử pháp nhiệm II. Chính đây là nguyên nhân gây ra nhiều xáo trộn có ảnh hưởng đến cuộc bầu cử hạ viện.

Các nhóm phe bình ủng hộ Phó Tổng Thống Nguyễn cao Kỳ liên tiếp biểu tình, chống đối khắp nơi, mạnh nhất là ở Đà Nẵng, Nha Trang, Sài Gòn. Ngày 16-8-1971, phe bình Trần viết Nghĩa tự thiêu trước tòa Đô chính để phản đối thái độ của Tổng Thống Thiệu đối với Phó Tổng Thống Kỳ trong việc ứng cử.

Ngày 20-8-1971, Đại tướng Dương văn Minh quyết định rút lui việc ứng cử Tổng Thống sau nhiều đắn đo cân nhắc.

Ngày 21-8-1971, liên danh Nguyễn cao Kỳ, Trương vĩnh Lễ được Tối Cao Pháp Viện chấp nhận niêm yết danh sách ứng cử. Nhưng 10 giờ ngày 23-8-1971, liên danh Kỳ-Lễ tuyên bố rút lui và đề nghị: "Tổng Thống Thiệu từ chức, để Chủ tịch Thượng viện làm quyền Tổng Thống 3 tháng 10 tổ chức bầu cử."

Những hành vi ngoạn mục, hấp dẫn trên của các liên danh ứng cử Tổng Thống - Phó Tổng Thống cộng với các bài bình luận, thông cáo liên quan đến vấn đề trên đã làm cho đa số dân chúng đặc biệt quan tâm đến kỳ bầu cử Tổng Thống và hầu như xao lãng việc bầu cử Hạ Viện.

Cuộc bầu cử Hạ viện do Sắc luật số 007/71 ngày 5-6-1971 gồm 6 chương và 48 điều qui định các vấn đề: cử tri, ứng cử viên, vấn đề tranh cử, kiểm phiếu, tuyên bố kết quả, khiếu tố hình phạt.

A) Cử tri.

Liên tiếp từ năm 1968 đến 1971 chính phủ dồn mọi nỗ lực để thực hiện các kế hoạch bình định, xây dựng, phát triển, cộng đồng tự vệ và cộng đồng phát triển địa phương. Tương đối các kế hoạch trên đã thành công, phần lớn đất đai và dân chúng trên toàn quốc do chính phủ kiểm soát. An ninh văn hồi dần, tạo điều kiện dễ dàng cho việc di chuyển buôn bán. Nhờ kết quả này, tổng số cử tri trên toàn quốc gia tăng rất nhiều so với kỳ bầu cử năm 1967 và 1970.

Tổng số cử tri bầu Hạ viện năm 1967 là: 5.853.384 cử tri

Tổng số cử tri bầu Hạ viện năm 1971 là: 7.085.943 cử tri

Trong số này có 5.582.411 cử tri tham gia bầu cử. Tỷ lệ 78%.

B) Ứng cử viên.

Số ứng cử viên tranh cử Hạ viện pháp nhiệm II rất hùng hậu. Nhiều người mỉa mai rằng đây là hiện tượng lạm phát ứng cử viên. Thực sự điều này chứng tỏ tình trạng chia rẽ, phân hóa trầm trọng tại miền Nam VN, sự bất lực của các đảng phái chính trị. Ai cũng có thể ra tranh cử cầu may vì họ cho rằng bầu cử là một hình thức "xổ số".

Hầu hết ứng cử viên đều xưng là đối lập chính quyền. Họ đưa ra những lập luận mơ hồ về hòa bình, chiến tranh. Hứa hẹn những cải cách vĩ đại không thể thực hiện được như: đòi hòa bình tức khắc, cơm no áo ấm cho toàn dân...

Tổng số UCV trên toàn quốc: 1332 người (niêm yết lần thứ II) cuối cùng chỉ còn 1240 UCV tham dự tranh cử. Trong số đó có 1198 nam UCV và 42 nữ UCV.

C) Đặc cử viên.

Số Dân biểu Hạ nghị viện nhiệm kỳ 1971-1975 tại Đô, Tỉnh, thị xã ấn định sơ khởi bởi Sắc lệnh số 060-SL/NV ngày 22-6-71. Sau được ấn định thiết thọ trong phụ bản đính kèm Sắc lệnh trên số 097-SL/NV.

Kết quả có 159 UCV đặc cử Dân biểu trong kỳ bầu cử 29-8-1971. Thành phần được phân tích như sau:

a/ <u>Nam-Nữ</u> :	- 5 nữ	
	- 154 nam.	
b/ <u>Tuổi tác</u> :	25 - 30 tuổi :	21 người (13,2%)
	31 - 40 :	66 (41,5%)
	41 - 50 :	58 (38,4%)
	51 - 60 :	11 (6,9%)
	61 trở lên :	3 (1,8%)

Tuổi trung bình: 39 tuổi.

Vị Dân biểu cao niên nhất là ông Nguyễn bá Lương, (69 tuổi) đặc cử tại đơn vị Phước Long. Dân biểu trẻ nhất là ông Trương như Thiêm, 25 tuổi, đặc cử tại đơn vị Darlac.

c/ <u>Nghề nghiệp</u> :		
- Dân biểu tái đặc cử:	40 người	(25,1%)
- Nghị viên :	13	(8,1%)
- Nhân sĩ :	02	(1,2%)
- Quân nhân :	40	(25,1%)
- Công chức :	14	(8,8%)
- Bác sĩ, Dược sĩ :	13	(8,1%)
- Ký giả :	01	(0,6%)
- Cựu công chức :	01	(0,6%)
- Thương doanh :	05	(3,1%)
- Thẩm phán :	01	(0,6%)
- Giáo chức :	11	(6,3%)
- Nghiệp chủ :	01	(0,6%)
- Nông gia :	06	(3,7%)
- Tư chức :	02	(1,2%)

d/ <u>Chủng tộc</u> :		
- Việt thuần túy :	143 người	

- Việt gốc Miên : 6 người
- Việt gốc Thượng: 6
- Việt gốc Chăm : 2
- Việt gốc Thượng du Bắc Việt: 2 người.

e/ Địa phương:

- Bắc : 29 người.
- Trung : 50
- Nam : 64

Về phương diện tổ chức, toàn quốc có 52 đơn vị bầu cử, có 7332 phòng phiếu. Đa số cử tri phải chen lấn khó khăn mới vào bỏ phiếu được, giờ bỏ phiếu áp dụng chung trên toàn quốc, không phân biệt tại Đô thành, Thị xã, vùng an ninh với các địa phương kém an ninh. Điều này khiến cho một số người không đi bỏ phiếu kịp. Các khối đối lập, trong thời tiền bầu cử, tung ra nguồn tin cho rằng chính quyền âm mưu sắp đặt để đưa người thân chính quyền vào Quốc hội. Họ nêu ra những sự kiện chứng minh sau:

- Thẻ cử tri phát chậm hoặc thiếu.
- Tại một số đơn vị, UCV đối lập bị hăm dọa, chèn ép.
- Chính quyền địa phương tích cực yểm trợ mọi mặt cho một số UCV "gà nhà" ...

Dư luận không tốt đẹp đó, phần nào gây nên tình trạng hoang mang nghi kỵ trong dân chúng. Để làm sáng tỏ vấn đề, ông Thủ trưởng Nội vụ Lê công Chất nói chuyện với dân chúng qua hệ thống truyền thanh và truyền hình nhằm:

- Trình bày việc tổ chức bầu cử của chính phủ.
- Giải đáp thắc mắc của dư luận, báo chí và đối lập.
- Nêu một vài khuyết điểm không thể tránh mà một số người ác ý xuyên tạc cho rằng chính phủ âm mưu gian lận bầu cử.

Chính phủ còn tổ chức các cuộc quan sát cho các quan sát viên quốc tế và quốc nội. Khoảng 50 chính khách và các nhà ngoại giao cùng một số ký giả được trực thăng đưa đến các địa điểm bầu cử.

Về phía báo chí quốc nội, rất tích cực trong kỳ bầu cử. Những bài bình luận, giới thiệu UCV thường xuyên đăng trên các báo. Giáo sư Nguyễn Văn Bông, lãnh tụ của phong trào QC Cấp Tiến ngày 26-8-1971, trên báo Cấp Tiến, kêu gọi dân chúng tích cực tham gia bầu cử và ủng hộ cho các UCV Chính đảng (1).

Tuần báo Đồi với loạt bài: UVC ông là ai? nhằm giới thiệu một số UCV như Bùi kiện Tín, Đặng Văn Tiếp, Tạ Văn Tài... qua các số báo 93, 94, 95, 96. Những bài tham luận như: Tranh cử Dân biểu 1971 từ vương đạo đến bá đạo của Hải Lưu đăng trên báo Đồi số 83. Vì sự lấn át của cuộc bầu cử Tổng Thống đối với kỳ bầu cử Hạ viện nên có dư luận cho rằng Lập pháp không được coi trọng bằng Hành pháp dưới Cộng Hòa I cũng như II. (2)

ĐOẠN II

PHẬT GIÁO VÀ CUỘC BẦU CỬ HẠ VIỆN 29-8-1971

Nhận thức rằng cuộc bầu cử năm 1971 có tầm quan trọng đặc biệt đối với những biến chuyển chính trị tương lai, Phật giáo hoạt động mạnh mẽ trong thời tiền tranh cử. Tại Trung ương, Giáo hội huấn luyện liên tiếp các khóa "Như Lai sứ giả", gồm các tăng sĩ trẻ tuổi, có học thức để đưa đi hoạt động khắp toàn quốc. Các phái đoàn Phật giáo được các vị lãnh đạo cao cấp của Giáo hội hướng dẫn đi thăm các địa phương. Mục đích chính là để khích lệ tinh thần của tín đồ và điều nghiên tình hình các địa phương nhằm đưa ra một kế hoạch vận động tranh cử hoàn hảo, phù hợp với nguyện vọng của dân chúng mà Phật tử chiếm đa số.

Đầu tiên các vị lãnh đạo cao cấp của Giáo hội phác họa một kế hoạch chung áp dụng từ Trung ương đến địa phương. Giáo hội sẽ thành lập một văn phòng nghiên cứu kế hoạch tranh cử để tuyển chọn UCV. Thành phần như sau:

(1) Nguyễn Văn Bông, 'Đi bầu Hạ viện', Cấp Tiến, 26-8-1971

(2) Nguyễn Văn, 'Bầu Dân Biểu', Chính Luận.

- Chủ tịch: Thượng tọa Thiện Minh.
- Phó Chủ tịch: Nghị sĩ Vũ Văn Mẫu - Giáo sư Trần Ngọc Ninh - Luật sư Phan Tấn Chúc.
- Tổng thư ký: Nghị sĩ Trần Quang Thuận.
- Quân khu I : Nghị sĩ Bùi Tường Huân - Tôn thất Đỉnh.
- Quân khu II : Nghị sĩ Trần Quang Thuận - Tôn thất Niệm.
- Quân khu III: Nghị sĩ Vũ Văn Mẫu.
- Quân khu IV: Nghị sĩ Nguyễn Duy Tài - Tôn ái Liêng.

Rất tiếc là công việc trên đụng chạm đến quyền lợi và uy tín của các Giáo hội Phật giáo địa phương nên không có kết quả. Tổ chức Giáo hội Phật giáo, như đã trình bày, không được chặt chẽ như Giáo hội Thiên chúa giáo. Vấn đề giáo quyền theo truyền thống Phật giáo không quan trọng. Sự tôn kính giữa các vị tăng sĩ cũng như giữa tín đồ với tu sĩ trong Phật giáo đặt căn bản trên đạo đức tu hành, chứ không căn cứ vào chức phẩm. Các vị lãnh đạo Phật giáo địa phương không chịu để cho Giáo hội Trung ương "bao thầu" kỳ bầu cử Hạ viện như kỳ bầu cử Thượng viện năm 1970. Tiêu chuẩn lựa chọn UCV do đó thay đổi tùy theo các vị đại diện Giáo hội Phật giáo cấp Tỉnh và cấp Miền. Có thể các vị này sẽ căn cứ vào khả năng đức độ để ủng hộ nhưng có thể ủng hộ vì quyền lợi vật chất hay liên lạc tình cảm riêng tư. Điều này khiến cho Phật giáo không có một đường lối tranh cử thống nhất nhưng có nhiều điểm lợi:

- Các UCV được Giáo hội địa phương tuyển chọn phần lớn quen thuộc với cử tri trong đơn vị.
- Họ từng tham dự các cuộc tranh đấu của Phật giáo hay đóng góp nhiều công đức nên các vị lãnh đạo dễ dàng giới thiệu và ca tụng với tín đồ để yêu cầu ủng hộ.

Nói như thế không có nghĩa là Giáo hội Trung ương mất hết ảnh hưởng trong kỳ bầu cử Hạ viện 1971. Các vị lãnh đạo cao cấp như Thượng tọa Thiện Hoa, Trí Quang, Thiện Minh... với uy thế và ảnh hưởng riêng đã giới thiệu một số UCV tại các đơn vị. Tuy nhiên ủng hộ hay không tùy thuộc quyết định của cấp lãnh đạo địa phương.

Đa số những UCV được Phật giáo ủng hộ ra tranh cử đều có

lập trường giống nhau:

- Chống đối chính phủ gay gắt.
- Đòi chấm dứt chiến tranh, hòa giải dân tộc.
- Đòi cách mạng xã hội thực sự.

Các ỦCV Phật giáo liên kết với nhau để vận động tranh cử. Họ chọn các dấu hiệu tiêu biểu của Phật giáo như Lá Bồ Đề, Chuông, Trống... cùng dán bích chương, rải truyền đơn chung. Các vị lãnh đạo Giáo hội, làm giấy giới thiệu chung cho các ỦCV này để vận động tại các tổ chức Phật giáo. Để giúp cho tin đồ dễ dàng phân biệt trước một số quá đông đảo ỦCV, ban vận động tranh cử của Phật giáo đưa ra những câu vè như:
Chuông lớn, chuông nhỏ, cái trống, cái mõ
xếp nhỏ bỏ đi. (Đơn vị Thừa Thiên).

hay:

Triệu người tha thiết hòa bình,
Ngôi chùa số 9, số hên nhớ bầu.
Ta bầu cho giống rồng tiên,
Hòa bình dân tộc nước yên, dân giàu.
(kêu gọi ủng hộ ỦCV Nguyễn Văn Hàm và Trần Văn Đôn tại đơn vị Quảng Ngãi.)

Đây là hình thức "liên danh trá hình" đã được Phật giáo áp dụng qua các kỳ bầu cử hội đồng Đô thành, Tỉnh và Thị xã, nhất là tại miền Trung, được ông Trần Văn Dương nghiên cứu.(1)

ĐOẠN III

KẾT QUẢ PHẬT GIÁO ĐẠT ĐƯỢC TRONG KỲ BẦU CỬ

Thời gian trước bầu cử, tại thủ đô một số các chính khách, lãnh tụ các đoàn thể chính trị, đảng phái cho rằng Phật giáo có một kế hoạch tranh cử qui mô và một nguồn tài chánh lên tới

(1) Trần Văn Dương, cuộc bầu cử Hội đồng Đô thành, Tỉnh, Thị xã
- Thể thức đơn danh hợp tuyển (Hội cựu SVQGHG, tu sách nghiên cứu).

70 triệu bạc dùng cho việc vận động tranh cử. Trong pháp nhiệm II này, Phật giáo cổ đạt được 50 ghế Dân biểu tại Hạ viện.

Kết quả không đúng với dự luận trên, tổng số UCV Phật giáo đắc cử được 31 người. Đa số các vị này đắc cử tại miền Trung.

BẢNG I. TỔNG SỐ DÂN BIỂU TRÊN TOÀN QUỐC ĐƯỢC PHẬT GIÁO ẮN QUANG YẾM TRỢ (1)

QUÂN KHU	SỐ GHẾ	SỐ DÂN BIỂU ĐƯỢC PGÁC YẾM TRỢ
I	24	15
II	36	10
III	45	3
IV	54	3
Tổng cộng toàn quốc	159	31

BẢNG II. DANH SÁCH CÁC DÂN BIỂU ĐẮC CỬ HOÀN TOÀN NHỜ SỰ YẾM TRỢ CỦA PHẬT GIÁO

Số thứ tự	Họ và tên	năm và nơi sinh	Đơn vị
1	Trương ngọc Thu tự Kiều mộng Thu	1941 Long Xuyên	Huế
2	Phan xuân Huy	1940 Quảng Nam	Đà Nẵng
3	Nguyễn văn Phước	1946 Quảng Trị	-
4	Đoàn Mại	1934 Huế	-

(1) Hoàng xuân Hào, Phật giáo và chính trị tại VN ngày nay. Luận an, Saigon, 1972. tr. 328 và kế tiếp.

5	Lý trường Trân	1924 Quảng Nam	Quảng Nam
6	Tạ thanh Hối	1942 Quảng Ngãi	Quảng Ngãi
7	Nguyễn văn Hàm	1931 Quảng Ngãi	Quảng Ngãi
8	Mai ngọc Đước	1921 Thừa Thiên	Quảng Ngãi
9	Tôn thất Hoán	1936 Huế	Quảng Trị
10	Tư đồ Minh	1928 Quảng Trị	-
11	Nguyễn ngọc Nghĩa	1929 Huế	Thừa Thiên
12	Nguyễn phúc liên Bảo	1941 Thừa Thiên	-
13	Trần ngọc Giao	1929 Thừa Thiên	-
14	Nguyễn phúc Vĩnh Tùng	1938 Huế	-
15	Trần văn Sơn	1933 Thừa Thiên	Nha Trang
16	Nguyễn văn Phùng	1909 Nghệ An	Bình Định
17	Nguyễn phúc Quang	1940 Vĩnh Long	Darlac
18	Trần văn Thung	1942 Khánh Hòa	Khánh Hòa
19	Nguyễn công Hoan	1943 Phú Yên	Phú Yên
20	Đào hữu Giao	1938 Quảng Yên	Bình Tuy.

BẢNG III. DANH SÁCH CÁC UCV DÂN BIỂU ĐẶC CỬ DO SỰ
YẾM TRỢ CỦA PHẬT GIÁO LÊN CÁC ĐOÀN THỂ KHÁC:

Số thứ tự	Họ và tên	Đơn vị	Quân khu	Đoàn thể yếm trợ
1	Trần văn Đôn	Quảng Ngãi	I	PG+Quân đội
2	Đình văn Đệ	Tuyên Đức	II	PG+Cao Đài
3	Trương như Thiềm	Tuyên Đức	II	PG+ChQuyền
4	Lý hiền Tài	Cam Ranh	II	PG+ChQuyền
5	Trần văn Tuyên	Saigon	III	PG+VNQĐĐ
6	Lý quý Chung	Saigon	III	PG+TCG tranh
7	Nguyễn hữu Chung	Saigon	III	dấu -
8	Hồ văn Minh	Saigon	III	-
9	Hồ ngọc Nhuận	Saigon	III	-
10	Nguyễn trọng Nho	Saigon	III	PGẤQ+Quốc Tự
11	Trần cao Đệ	Vũng Tàu	III	PG+Cấp Tiến
12	Trần hữu Giao	Bình Tuy	III	Phật Giáo

13	Trương thị Bích Diệp	Chương Thiện	IV	PG+ChQuyền
14	Nguyễn tất Thịnh	Kiến Hòa	IV	Phục Hưng
15	Huỳnh trung Chánh	Rạch Giá	IV	mNam+PG CấpTiến+PG

Phân tích danh sách UCV Dân biểu đặc cử do sự ủng hộ của Phật giáo, một lần nữa xác nhận hậu thuẫn vững mạnh của Phật giáo tại miền Trung. Tại Quân khu I với 24 ghế Dân biểu, Phật giáo chiếm hết 15 ghế. Một vài đơn vị như Huế, Thừa Thiên, Đà Nẵng, Phật giáo độc chiếm số ghế dành cho đơn vị. Tại Quân khu II, Phật giáo cũng chiếm được 10 trên tổng số 36 ghế. Vào đến các đơn vị thuộc Quân khu III và IV thì ảnh hưởng của Phật giáo đối với cử tri rất yếu kém.

Sau khi đặc cử vào Hạ Viện, đa số các Dân biểu thuộc Khuynh hướng Phật giáo tham gia vào khối Dân Tộc Xã Hội, do Dân biểu Trần văn Tuyên làm Trưởng khối. Khối này có 32 Dân biểu, là một khối lập với chính quyền mạnh nhất tại Hạ viện. Không phải tất cả Dân biểu Phật giáo đều tham gia khối này. Một số tuy đặc cử nhờ hậu thuẫn của Phật giáo nhưng đã đứng ngoài các khối hoặc tham gia khối khác như:

Thứ tự	Họ và tên	Đơn vị	Khuynh hướng
1	Trần văn Đôn	Quảng Ngãi	không khối
2	Trương như Thiềm	Darlac	-
3	Lý hiện Tài	Cam Ranh	khối Độc Lập
4	Trương văn xuân Bảo	Ninh Thuận	k. Dân Quyền
5	Nguyễn trọng Nho	Đơn vị I Saigon	không khối
6	Trương thị Bích Diệp	Chương Thiện	-
7	Tôn thất Hoán	Quảng Trị	-
8	Nguyễn phúc Quang	Darlac	k. Độc Lập
9	Huỳnh trung Chánh	Rạch Giá	k. Dân Quyền

Ngược lại một số Dân biểu tuy có tín ngưỡng Thiên chúa giáo hoặc các giáo phái khác nhưng tán thành đường lối đối

lập chính quyền hiện hữu lại tham gia vào khối Dân Tộc Xã Hội như:

Thứ tự	Họ và tên	Tín ngưỡng
1	DB Hồ văn Minh	Thiên chúa giáo
2	DB Đinh văn Đệ	Cao Đài
3	DB Lý quý Chung	Thiên chúa giáo
4	DB Hồ ngọc Nhuận	-

Kể từ lúc thay đổi thái độ vào năm 1970 trong kỳ bầu cử Thượng nghị viện, ảnh hưởng của Phật giáo bành trướng tại Quốc hội. Tổng số Dân biểu có tín ngưỡng Phật giáo lên tới 61 người, so với các kỳ bầu cử trước tăng rất nhiều, vượt hẳn các tôn giáo khác.

Để thấy rõ sự phức tạp trong kỳ bầu cử Hạ viện 1971, trong chương kế tiếp sẽ phân tích các trường hợp điển hình tại những đơn vị được coi là địa bàn hoạt động của Phật giáo.

BẢNG IV. DANH SÁCH DÂN BIỂU KHỐI DÂN TỘC XÃ HỘI.

Thứ tự	Họ và tên	Đơn vị	Tín ngưỡng
1	Tư đồ Minh	Quảng Trị	Phật giáo
2	Nguyễn ngọc Nghĩa	Thừa Thiên	-
3	N.P. Liên Bảo	-	-
4	N.P. Vĩnh Tùng	-	-
5	Trần ngọc Giao	-	-
6	Trương thị Thu	Huế	-
7	Phan xuân Huy	Đà Nẵng	-
8	Nguyễn văn Phước	-	-
9	Đoàn Mại	-	-
10	Phan Thiệp	Quảng Nam	-
11	Lý thường Trân	-	-
12	Nguyễn Mậu	Quảng Tín	-

13	Tạ thanh Hối	Quảng Ngãi	Phật giáo
14	Nguyễn văn Hàm	-	-
15	Mai ngọc Được	-	-
16	Nguyễn hữu Thời	Bình Định	-
17	Nguyễn văn Phùng	-	-
18	Nguyễn công Hoan	Phú Yên	-
19	Trần văn Thung	Khánh Hòa	-
20	Trần văn Sơn	Nha Trang	-
21	Nguyễn phúc Quang	Tuyên Đức	-
22	Đình văn Đệ	-	-
23	Trần văn Tuyên	Saigon	Cao Đài
24	Hồ văn Minh	-	Phật giáo
25	Lý quý Chung	-	TC giáo
26	Nguyễn hữu Chung	-	-
27	Hồ ngọc Nhuận	-	-
28	Đào hữu Giao	Bình Tuy	-
29	Trần cao Đế	Vũng Tàu	Phật giáo
30	Nguyễn tất Thịnh	Kiến Hòa	-
31	Đình văn Dũng	-	-
32	Huỳnh ngọc Diệu	-	-

chương hai

ngiên cứu các trường hợp điển hình

Sau khi có ý niệm tổng quát về ảnh hưởng của Phật giáo trong kỳ bầu cử Hạ viện, để thấy rõ sắc thái đặc biệt tại một vài địa phương cần nghiên cứu các trường hợp điển hình. Sự tranh chấp không phải chỉ có giữa chính quyền với Phật giáo nó còn xảy ra giữa Phật giáo với các đảng phái chính trị và chính ngay giữa những người đồng đạo.

ĐOẠN I

SỰ TRANH CHẤP GIỮA UCV PHẬT GIÁO VỚI UCV ĐẢNG PHÁI

TỈNH THỪA THIÊN-

Thừa Thiên, Quảng Trị được coi là địa bàn hoạt động của đảng Đại Việt Cách Mạng. Từ sau biến cố 1963 đến nay đảng Đại Việt gây được một thế lực khá mạnh tại địa phương, vượt hơn các đảng phái khác. Cán bộ đảng tích cực hoạt động ở nông thôn để kết nạp đảng viên, đưa người vào nắm các chức vụ Hành Chánh Xã thôn.

Trong kỳ bầu cử Hạ viện năm 1967, giữa Phật giáo với Đại Việt hầu như có một sự tương nhượng lẫn nhau. Chính bà Kiều mộng Thu đắc cử Dân biểu đơn vị Thừa Thiên vừa được sự ủng hộ của Phật giáo lẫn Đại Việt. Dần dần mối giao hảo giữa Đại Việt và Phật giáo đi đến đổ vỡ vì một số đảng viên trẻ thiếu khôn ngoan chính trị ra mặt chống đối cấp lãnh đạo Phật giáo. Đây chính là một sai lầm đáng tiếc, vì chính tại địa bàn của Đại Việt, thế lực của Phật giáo bao trùm các thế lực khác. Vào

khoảng tháng 6-1971, Đại Việt tổ chức biểu tình tố cáo các cán bộ kinh tài cho Phật giáo là cán bộ Cộng sản, họ đã đảo Đại tá Lê Văn Thân, Tỉnh trưởng Thừa Thiên có thái độ dung túng cho thành phần này. Thực sự thì Đại Việt cố làm lớn chuyện để Đại tá Thân phải rời khỏi chức vụ. Qua các kỳ bầu cử Hội đồng Tỉnh, Thị xã, Đại Việt thấy vị giữa các vị lãnh đạo Phật giáo và Đại tá Thân có mối giao tình tốt đẹp nên không thể thao túng được, các UCV Phật giáo có lợi thế hơn. Đại Việt cần phải chiếm ưu thế trong kỳ bầu cử Hạ viện vào tháng 8 năm 1971. Sự kiện này khiến cho Phật giáo và Đại Việt chống đối nhau kịch liệt. Phật giáo quyết định đưa 4 UCV ra tranh cử, độc chiếm số ghế dành cho đơn vị:

- UCV Nguyễn Ngọc Nghĩa, dấu hiệu Chuông Lớn, Dân biểu pháp nhiệm I.
- UCV Liên Bảo, dấu hiệu Chuông Nhỏ, Dược sĩ, em của Đại Đức Thích chơn Kim đệ tử Hòa thượng Tăng Thống.
- UCV Trần Ngọc Giao, dấu hiệu Cái Trống, Huỳnh trưởng Phật tử.
- UCV Nguyễn Phước Vĩnh Tùng, dấu hiệu Cái Mõ, giáo sư Bồ Đề.

Đảng Đại Việt cũng đưa ra 4 UCV:

- UCV Phan Ngọc Lương
- UCV Lê Đình Cai
- UCV Nguyễn Lý Tường
- UCV Hoàng Trọng Khánh

Các UCV Phật giáo liên kết thành liên danh trá hình để vận động, họ chọn các dấu hiệu tiêu biểu của Phật giáo để dễ tuyên truyền. Câu vè để hướng dẫn cử tri Phật tử là: "Chuông lớn, chuông nhỏ, cái trống, cái mõ, xếp nhỏ bỏ bì".

Tỉnh giáo hội phổ biến hai văn thư số 437/GHPG/TT và 438/GHPG/TT đề ngày 6-7-1971, đến các tổ chức Phật giáo và đồng bào Phật tử kêu gọi ủng hộ tích cực các UCV trên. Giáo hội tổ chức các buổi học tập liên khuôn để các vị giáo phẩm hướng dẫn các UCV Phật giáo đến giới thiệu và trình bày lập trường ứng cử.

Về phía Đại Việt tuy tích cực đối phó với kế hoạch tranh cử của Phật giáo nhưng gặp nhiều trở ngại. Đảng viên không thể đến tận các vùng thôn quê hẻo lánh, bất an như các Tăng sĩ, họ sợ bị Cộng sản khủng bố. Tình cảm tôn giáo, sức mạnh của Đức tin chi phối thái độ cử tri nhiều hơn là thế lực chính trị, có thể đảng viên Đại Việt ủng hộ UCV do đảng đưa ra nhưng gia đình của họ lại bỏ thăm cho UCV Phật giáo. Trong số các UCV do Đại Việt đưa ra có vài người theo Thiên chúa giáo, điều này Đại Việt có lợi là thu hút thêm một số phiếu. Nhưng chính điểm đó lại khiến cử tri Phật giáo đoàn kết hơn. Phật tử cảm thấy có mối liên lạc tinh thần với UCV được Giáo hội ủng hộ, cần phải tuyệt đối nghe lời "Thầy" để tránh nguy hại cho "Dân tộc và Đạo pháp".

Kết quả, 4 UCV Phật giáo đều đắc cử Dân biểu.

Thứ tự	Họ và tên	Số phiếu	Tỷ lệ
1	Nguyễn ngọc Nghĩa	64.384	40%
2	Liên Bảo	61.293	38,3%
3	Trần ngọc Giao	59.249	37%
4	Nguyễn phúc Vĩnh Tùng	49.665	31%

Các UCV Đại Việt có số phiếu khá cao, tiếp theo 4 UCV đắc cử trên.

Thứ tự	Họ và tên	Số phiếu	Tỷ lệ
1	Phan ngọc Lương	48.983	30,6%
2	Nguyễn lý Tường	42.842	26,7%
3	Lê đình Cai	38.632	24,9%
4	Hoàng trọng Khánh	36.011	22,5%

Kết quả trên làm cho Đại Việt vô cùng bất mãn, điều này liên quan tới uy tín của đảng và khả năng của cán bộ địa phương. Đại Việt liên kết với các thành phần thất cử khác tổ cáo chính quyền Thừa Thiên âm mưu với Giáo hội Phật giáo gian lận bầu cử. Họ đưa ra bằng chứng, bằng kết quả có cạo sửa thêm

bớt. Ngay kết quả tại Ty Thông Tin ngày 30-8 đã được sửa lại lúc 13 giờ, có nghĩa là ủy ban tuyển cử công nhận có sai lầm. Đại Việt tổ chức biểu tình ngay tại tòa Hành chánh Tỉnh, đòi hủy bỏ kết quả bầu cử, nếu không họ sẽ đưa nội vụ ra trước Tòa án hữu quyền. Một thời gian sau thấy không thể thay đổi kết quả, phong trào phản đối dần dần yên lặng, kết quả bầu cử chính thức được công nhận.

TỈNH QUẢNG NAM.

Trái với Trị Thiên, Nam Ngãi được coi là căn cứ địa của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Tại đây VNQDDĐ có lợi thế nhiều hơn ở địa bàn của Đại Việt. Phật giáo không có thế lực quá mạnh bao trùm tất cả các thế lực khác. Tổ chức Phật giáo tại nông thôn Quảng Nam chưa hoàn hảo. Tầng sĩ không có ảnh hưởng và uy tín lớn lao đối với tín đồ. Giữa Phật giáo và VNQDDĐ chưa xảy ra xung đột kịch liệt như Đại Việt với Phật giáo tại Thừa Thiên. Qua vài cuộc tranh đấu, giữa Phật giáo với lực lượng VNQDDĐ nhiều khi hợp tác thân thiết. Trong kỳ bầu cử Hạ viện năm 1971, kết quả Phật giáo đạt được so với kết quả của VNQDDĐ không quá chênh lệch. Tại Quảng Ngãi, trong số 5 ghế Dân biểu dành cho đơn vị, Phật giáo chiếm được 4 ghế. Đơn vị Quảng Nam có 4 ghế Dân biểu, chỉ có 1 UCV Phật giáo đắc cử duy nhất. Ba người đắc cử khác là đảng viên VNQDDĐ.

-Phật giáo:

UCV Lý trưởng Trần : 37.408 phiếu Tỷ lệ 22,8%

-VNQDDĐ:

UCV Lê đình Duyên : 47.120 phiếu Tỷ lệ 28,7%

UCV Nguyễn đắc Cung : 45.214 phiếu Tỷ lệ 27,5%

UCV Phan Thiệp : 44.795 phiếu Tỷ lệ 27,3%

Qua khỏi Bình Định, các đơn vị miền Nam Trung phần, hoạt động của đảng phái chính trị không quan trọng. Chỉ còn ảnh hưởng của tôn giáo và thế lực chính quyền chi phối thái độ của cử tri. Miền Nam Phật giáo không đạt được kết quả như miền Trung vì nhiều lý do đã phân tích. Về thế lực chính trị, chỉ có phong trào QGCT đáng kể. Phong trào và Phật giáo có

liên lạc tương đối tốt đẹp. Tại đơn vị Rạch Giá, Vũng Tàu, Phật giáo và Phong trào QGCT cùng ủng hộ một UCV.

- Vũng Tàu: UCV Trần cao Đế, đặc cử Dân biểu. Đoàn viên Phong trào QGCT được Phật giáo ủng hộ.
- Rạch Giá: UCV Huỳnh trung Chánh, Phong trào QGCT, thân tình với Thượng tọa Thiện Hoa, Viện trưởng VHP-GHPG. Đặc cử với 19.158 phiếu. Tỷ lệ: 63,6%.

ĐOẠN II

TRƯỜNG HỢP TRANH CHẤP GIỮA CÁC UCV PHẬT GIÁO

Kế hoạch tranh cử do Giáo hội Trung ương đề ra không thể áp dụng được. Việc ủng hộ, hoặc chống đối các UCV tùy thuộc vào các vị Chánh đại diện cấp Miền hoặc Tỉnh. Tuy nhiên, các Thượng tọa lãnh đạo cao cấp như Trí Quang, Thiện Minh, Huyền Quang... với hình thức giới thiệu đã ủng hộ một số UCV thân tín ra tranh cử. Điều này gây nhiều khó khăn và trở ngại tại một số đơn vị miền Trung. Các vị lãnh đạo địa phương bị dồn vào thế không thể không ủng hộ những UCV do Trung ương giới thiệu vì những liên lạc tinh thần, nhưng một vài trường hợp họ đã vận động tín đồ hậu thuẫn cho các UCV khác. Những khó khăn đó phản ảnh tại các đơn vị bầu cử tiêu biểu sau:

THỊ XÃ HUẾ-

Một trung tâm tiêu biểu cho Phật giáo Việt Nam là Huế. Trong kỳ bầu cử Hạ viện năm 1971 đã xảy ra một cuộc tranh chấp gay cấn giữa 2 UCV Phật tử: Kiều mộng Thu và Bửu Tôn.

UCV Kiều mộng Thu, nguyên là Dân biểu pháp nhiệm I, đơn vị Thừa Thiên. Bà là đệ tử của Hòa thượng Thiện Luật, thân phụ của Đại đức Hộ Giác. Trong suốt 4 năm làm Dân biểu bà tích cực hoạt động trong các công tác xã hội Phật giáo, qua các kỳ thiên tai, chiến nạn. Kỳ bầu cử này, bà ra ứng cử tại đơn vị Huế với dấu hiệu: Bàn tay nâng chim, danh hiệu Hòa bình Dân tộc.

UCV Bửu Tôn, sinh trưởng trong một gia đình Hoàng phái tiếng tăm tại cố đô. Tạo nhiều thành tích qua các cuộc tranh đấu Phật giáo. Năm 1966, Bửu Tôn làm Chủ tịch lực lượng tranh thủ Cách mạng Thừa Thiên - Huế. Hướng ứng triệt để phong trào đòi Dân chủ, Quốc hội Lập hiến và chính quyền dân cử do Thượng tọa Trí Quang phát động. Bị bắt giam và quản thúc tại Saigon cho đến năm 1970 thì nhập ngũ. Ứng cử với dấu hiệu: Tháp Linh Mục.

Lúc đầu, vì gặp khó khăn, Bửu Tôn không có ý định ứng cử Dân biểu. Được sự khuyến khích của Thượng tọa Trí Quang và sự giúp đỡ của các Nghị sĩ trong liên danh Hoa Sen, Bửu Tôn nộp đơn ứng cử tại đơn vị Huế. Trước đó, được sự gợi gắm của Thượng tọa Thiện Hoa và Đại đức Hộ Giác, GHPG Thừa Thiên đã chấp thuận ứng hộ UCV Kiều mộng Thu.

Đối với 2 UCV trên, các vị lãnh đạo Phật giáo tại địa phương vô cùng khó xử, người nào cũng đáng phải ứng hộ, nhưng thị xã Huế chỉ có một ghế Dân biểu mà không ai chịu nhường ai. Thượng tọa Mật Nguyễn, vị lãnh đạo Phật giáo có uy tín tại miền Trung (Chánh đại diện GHPG miền Vạn Hạnh kiêm Chánh đại diện GHPG Thừa Thiên - Huế) có ngổ ý với UCV Bửu Tôn và khuyên nên ra ứng cử tại Thừa Thiên, Giáo hội sẵn sàng dàn xếp để một trong 4 UCV Phật giáo thuộc đơn vị Thừa Thiên rút lui nhường cho Bửu Tôn. Tin tưởng vào cảm tình và hậu thuẫn của mình tại Huế, Bửu Tôn nhất quyết không chịu rút lui với lập luận: người Huế phải đại diện cho Thị xã Huế!

Quyết định sau cùng của GHPG Thừa Thiên Huế là phải chọn một trong hai UCV trên. Người được chọn là UCV Kiều mộng Thu. Quyết định của Giáo hội gây bất mãn cho giới sinh viên học sinh Huế, họ cho rằng các vị lãnh đạo Phật giáo địa phương bị mua chuộc bằng tiền tài, tư lợi, bỏ quên những thanh phần trẻ đã từng hy sinh cho Giáo hội. Sự thực có nguyên nhân thâm kín đưa đến quyết định trên, Giáo hội không thể làm khác được.

■ Như đã trình bày trong phần bầu cử Thượng viện năm 1970, sự thất cử của liên danh 4 Cấp Tiến suýt làm chia rẽ các vị

lãnh đạo Giáo hội Trung ương. Nếu kỳ này, GHPG Thừa Thiên - Huế rút lui sự ủng hộ UCV Kiều mộng Thu, sẽ làm khơi lại mối bất mãn của Thượng tọa Thiện Hoa và Đại Đức Hộ Giác, có thể trở thành một nguyên nhân gây nên đổ vỡ sự đoàn kết của Giáo hội Trung ương.

✶ UCV Kiều mộng Thu, trong pháp nhiệm I, bị mang nhiều tiếng tăm qua báo chí. Nhưng đối với đơn vị bà tích cực hoạt động và đóng góp rất nhiều cho công tác xã hội của Phật giáo, hơn hẳn các vị Dân biểu địa phương. Giáo hội biết rằng từ chối ủng hộ Bửu Tôn sẽ làm cho giới trẻ trí thức bất mãn, nhưng việc đoàn kết Giáo hội trong giai đoạn này quan trọng hơn cả. Hy vọng điều bất mãn chỉ nhất thời, sau này thái độ của Giáo hội sẽ được hiểu rõ và thông cảm.

Trong thời gian vận động bầu cử, có nhiều việc đáng tiếc xảy ra. Thanh niên, thanh nữ Phật tử đi vận động cho UCV Kiều mộng Thu xô xát với sinh viên học sinh Phật tử đi vận động cho UCV Bửu Tôn. UCV Bửu Tôn bị Mạnh hung phải nằm bệnh viện (1). Để tuyên truyền trong cử tri, phe ủng hộ UCV Bửu Tôn đưa ra các câu vè sau:

Đông Ba Gia Hội hai cầu,
Nhớ mùa Pháp nạn xin bầu Bửu Tôn.

Hoặc:

Người di thương lấy Tôn cùng,
Đã từng tranh đấu xin đừng bỏ nhau.

Khối ủng hộ Kiều mộng Thu để phản tuyên truyền, tạo ra dư luận cho rằng sau năm 1966 Bửu Tôn đã bị Mỹ mua chuộc làm tay sai cho CIA, phản lại Phật giáo. Do đó:

Đông Ba, Gia Hội hai cầu,
Nhớ mùa Pháp nạn chớ bầu Bửu Tôn!

Thành phần hậu thuẫn cho Bửu Tôn nằm trong giới sinh viên, học sinh. Nhưng giới cử tri này thiếu số. Ngược lại, thành phần tiểu thương, lao động Phật tử các khuôn hội mặc dù có cảm tình với Bửu Tôn, nhưng tuyệt đối tuân theo chỉ thị của các "Thầy", đa số bỏ phiếu cho Kiều mộng Thu. Điều này thêm một lần nữa, chúng tỏ sự đoàn kết nhất trí của cử tri Phật

(1) Do đang phải gây ra để thủ lợi: chia rẽ khối cử tri Phật giáo.

giáo tại miền Trung và uy tín, ảnh hưởng lớn lao của các vị lãnh đạo Phật giáo địa phương.

Kết quả: UCV Kiều mộng Thu đắc cử Dân biểu pháp nhiệm II với 17.573 phiếu. Tỷ lệ 38,6%
Tổng số cử tri niêm yết lần II : 61.443
Cử tri đi bầu phiếu : 45.443. Tỷ lệ 73,9%

TỈNH PHÚ YÊN-

Giống các địa phương khác ở miền Trung, Phú Yên chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của Phật giáo. Trong các kỳ bầu cử hội đồng Tỉnh trước, những người đắc cử phần lớn dựa vào thế lực Phật giáo. Kỳ bầu cử Hạ viện năm 1971, tại đơn vị Phú Yên, Phật giáo đưa ra 2 UCV:

- UCV Huỳnh Diệu: nguyên Dân biểu pháp nhiệm I, được cấp lãnh đạo Phật giáo địa phương ủng hộ.
- UCV Nguyễn công Hoan: giáo sư, do Thượng tọa Thiện Minh, phó Viện trưởng VHD-PGẮQ giới thiệu ra tranh cử.

Năm 1967, ông Huỳnh Diệu đắc cử nhờ sự ủng hộ tích cực của Thượng tọa Diệu Bốn, Chánh đại diện GHPG Phú Yên. Kỳ này ông cũng căn cứ vào hậu thuẫn này để tranh cử. Dù trong pháp nhiệm I, Dân biểu Huỳnh Diệu gây nhiều tai tiếng không tốt đẹp nhưng ông rất được lòng các vị lãnh đạo Phật giáo địa phương. Thượng tọa Chánh đại diện, cho gửi đến các khuôn hội, đoàn thể Phật giáo, các tự viện, văn thư giới thiệu UCV Huỳnh Diệu, kêu gọi ủng hộ trong kỳ bầu cử sắp tới. Với sự hỗ trợ tích cực này, UCV Huỳnh Diệu hy vọng đắc cử. Từ Saigon, Thượng tọa Thiện Minh lại giới thiệu ông Nguyễn công Hoan ra ứng cử đơn vị Phú Yên và yêu cầu Giáo hội địa phương ưu tiên ủng hộ UCV này. Cấp lãnh đạo Phật giáo Phú Yên rất khó xử, nhất là Thượng tọa Chánh đại diện. Không thể bất chấp lời yêu cầu của cấp lãnh đạo Trung ương nhưng cũng không thể rút lui sự ủng hộ UCV Huỳnh Diệu.

Biết được điều này, UCV Nguyễn công Hoan sợ rằng Giáo hội địa phương chỉ hứa suông mà không thực tâm vận động cho

minh, bèn vào Saigon gặp Thượng tọa Thiện Minh, nhờ Thượng tọa ra trực tiếp can thiệp. Thượng tọa Thiện Minh ra Tuy Hòa, gọi gám UCV Nguyễn công Hoan với các vị lãnh đạo Giáo hội, tổ chức nói chuyện với đồng bào Phật tử tại chùa Bảo Tịnh, nhằm giới thiệu UCV Nguyễn công Hoan với cử tri Phật giáo. Nhờ đó UCV Nguyễn công Hoan được nhiều người biết đến. Tuy nhiên cho đến gần ngày bầu cử, thái độ của Thượng tọa Chánh đại diện vẫn không dứt khoát. Với uy thế địa phương của Thượng tọa, UCV Nguyễn công Hoan rất khó thành công nếu tình trạng này kéo dài. Một lần nữa, UCV Nguyễn công Hoan vào Sài Gòn trình bày thực trạng với Thượng tọa Thiện Minh. Thượng tọa cấp tốc ra Nha Trang, triệu hồi Thượng tọa Diệu Bốn vào để buộc phải xác nhận dứt khoát ủng hộ UCV Nguyễn công Hoan. Nếu không, có thể phải rời chức vụ hiện tại. Trước áp lực mạnh mẽ này, Thượng tọa Diệu Bốn phải cố gắng vận động làm thế nào cho UCV Nguyễn công Hoan đắc cử. Đơn vị Phú Yên có hai ghế Dân biểu, trước đó Phật giáo định ủng hộ một ~~liên danh~~ mà thôi vì sợ chia phiếu. Nhưng với khó khăn này, Thượng tọa tổ chức một phiên họp các đại diện đoàn thể Phật giáo trong Tỉnh yêu cầu chỉ định thêm một UCV Phật giáo thứ hai. Đây chỉ là hình thức do Thượng tọa sắp xếp Hầu ủng hộ UCV Huỳnh Diệu một cách chính đáng. Phiên họp đã chấp thuận đưa UCV thứ hai của Phật giáo là ông Huỳnh Diệu ra tranh cử.

Kết quả chỉ có UCV Nguyễn công Hoan đắc cử với số phiếu rất cao: 53.869 phiếu. Tỷ lệ 51,9%. Người đắc cử thứ hai là UCV Trương Văn Nguyên, được 26.979 phiếu tỷ lệ 26%. UCV này dựa vào thế lực chính quyền.

Trường hợp xảy ra tại Phú Yên khác trường hợp tranh chấp tại thị xã Huế. Tại Huế, UCV Bửu Tôn tuy được cảm tình của Thượng tọa Trí Quang nhưng vì không chịu nhận điều kiện do các vị lãnh đạo Phật giáo địa phương đưa ra nên không được ủng hộ. Đơn vị Phú Yên, hai UCV Phật giáo dựa vào hai thế lực khác nhau. UCV Nguyễn công Hoan được cấp lãnh đạo Trung ương đưa ra, thắng cử vẻ vang. UCV Huỳnh Diệu, cấp lãnh đạo địa phương ủng hộ, thất cử.

Ngoài các trường hợp tranh chấp trên, một số UCV đặc cử được coi là thân Phật giáo, nhưng yếu tố Phật giáo không quyết định cho việc thắng cử của họ. Các UCV này ngoài sự ủng hộ của Phật giáo còn nhận được sự ủng hộ của đảng phái, chính quyền hoặc nhờ uy tín cá nhân. Đó là trường hợp các UCV: Trần Văn Tuyên, Trương Như Thiêm, Trương Thị Bích Diệp, Nguyễn Trọng Nho... Sự kiện này không có gì đặc biệt tại các đơn vị mà Phật giáo không có ảnh hưởng mạnh mẽ. Các UCV không thể hoàn toàn dựa vào yếu tố Phật giáo để thắng cử, cần phối hợp nhiều yếu tố khác nhau.



kết luận

A) Ảnh hưởng của Phật giáo tại Á châu là điều hiển nhiên không thể phủ nhận. Tuy nhiên thế lực chính trị của Phật giáo tùy mỗi quốc gia khác biệt nhau. Tại các nước theo Nam phương Phật giáo như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan .. hơn 90% dân số theo đạo Phật, Phật giáo được suy tôn thành Quốc giáo, có thế lực lớn lao đối với các nhà lãnh đạo Quốc gia. Các Quốc gia theo Đại thừa Phật giáo như Nhật Bản, Trung Hoa, Đại Hàn... Phật giáo không có được điều kiện thuận lợi trên nhưng từ đầu thế kỷ 20 đến nay, với phong trào Phục Hưng do Thái Hư Đại sư đề xướng ở Trung Hoa, Phật giáo dần dần chiếm được địa vị xứng đáng.

Riêng đối với Phật giáo Việt Nam vì hoàn cảnh đất nước, không đạt được ưu thế chính trị như tại các Quốc gia trên. Sau năm 1954, đất nước bị chia đôi, miền Bắc theo chủ nghĩa xã hội, dĩ nhiên tôn giáo trở thành chướng ngại phải thanh toán. Miền Nam, xây dựng trên căn bản hữu thần, tiếc rằng vì tình cảm riêng, những người lãnh đạo nền đệ I Cộng hòa, quá thiên vị Thiên chúa giáo, đàn áp các tôn giáo khác. Sự kiện này khiến cho tầng lớp Tăng sĩ trẻ có học thức và ý thức chính trị cao độ phản uất và chống đối. Kết quả biến cố 1-11-1963 lật đổ nền đệ I Cộng Hòa, tạo một lối thoát cho Phật giáo và các thành phần bất mãn khác.

Phong trào Phật giáo dâng cao, nhưng vì không chuẩn bị, các nhà lãnh đạo Phật giáo đánh mất cơ hội "ngàn năm một thuở" này, không thực hiện được hoài bão cách mạng ôn áp xưa nay. Để đáp ứng với tình thế, nền thống nhất Phật giáo được cấp tốc thành lập. Nhiều tổ chức mới mẻ ra đời như viện Tăng Thống, viện Hóa Đạo, Tuyên úy Phật giáo... Sau một thời gian ngắn, vì

tranh chấp nội bộ, thượng tầng lãnh đạo bắt đầu phân tán chia rẽ. Ở hạ tầng vì thiếu cán bộ có đủ khả năng điều hành công việc, hướng dẫn tín đồ, Tăng sĩ bị xử dụng bừa bãi vì nhu cầu đòi hỏi. Thành phần này, vì được tín đồ sùng vọng, trở thành kiêu căng, dấn thân vào các hoạt động thế sự. Hàng cư sĩ có uy tín và tài đức thì bất mãn trước sự tập trung quyền hành lớn lao vào tay Tăng sĩ, rút lui khỏi Giáo hội. Chỉ còn phần đông là hạng ham danh lợi, tùy thời thế bu quanh cấp lãnh đạo Phật giáo.

Với các dữ kiện đó, Phật giáo liên tiếp phát động các cuộc tranh đấu đòi tự do dân chủ, cách mạng xã hội, chống độc tài quân phiệt dưới sự điều động của các Thượng tọa Trí Quang, Tâm Châu và Thiện Minh. Tại miền Trung, các phong trào Nhân dân Cứu quốc, Lực lượng tranh thủ Dân chủ, tự do thành lập vào các năm 1964, 1965, 1966 thực sự đều do Thượng tọa Trí Quang lãnh đạo tinh thần. Vì tổ chức ô hợp, cấp điều khiển không thể kiểm soát được quần chúng, cán bộ các đảng phái chính trị chống Phật giáo, cán bộ Cộng sản len lỏi vào để phá hoại và hướng dẫn theo chiều hướng có lợi cho họ. Tinh thần bất bạo động dần dần nhường chỗ cho bạo động, hỗn loạn. Các cuộc tranh đấu có tính cách quá khích và bài ngoại. Phật giáo mất dần cảm tình và sự ủng hộ nồng nhiệt tại quốc nội và quốc ngoại. Thất bại là điều chắc chắn phải đến và đã đến với Phật giáo vào năm 1966 một cách đau đớn qua vụ án Dân chủ miền Trung.

Lần thất bại này đánh dấu một biến chuyển lớn lao. Thượng tọa Trí Quang ẩn cư, vì biết không thể đổi thay được tình thế. Sự vùng vẫy trong tuyệt vọng không có lợi cho Quốc gia và đạo giáo mà còn rất nguy hiểm. Phật giáo tỏ thái độ bất hợp tác với nền đệ II Cộng hòa, kêu gọi dân chúng tẩy chay các vụ bầu cử và không chấp nhận những nhà lãnh đạo đương thời. Tình trạng này kéo dài đến năm 1970, Phật giáo chọn kỳ bầu cử bán phần Thượng viện làm "cơ hội thuận tiện để Giáo hội trở lại với cộng đồng sinh hoạt Quốc gia".

Phân tích kết quả 2 kỳ bầu cử 1970 và 1971 cho thấy thế

lực chính trị của Phật giáo hiện nay, tuy không mạnh mẽ bằng các năm 1964, 1965, nhưng là một thế lực quan trọng nhất tại miền Nam, trội hơn cả thế lực của các đảng phái chính trị. Phật giáo hiện có một liên danh Hoa Sen tại Thượng viện và khối Dân biểu gần 30 người tại Hạ viện. Về mặt nổi thì Phật giáo tương đối thành công khi đạt được thành quả trên. Nhưng điều cần tìm hiểu là tại sao Phật giáo từ bỏ lập trường cũ và chấp nhận nền đệ II Cộng hòa qua hình thức bầu cử? Sự kiện này có thể giải thích như sau:

Đ Hình thức đấu tranh được PG áp dụng đã lỗi thời, việc tự thiêu, tuyệt thực xử dụng không chính đáng không còn gây xúc động quần chúng như trong thời 1963. Biểu tình, xuống đường, gây rối loạn trật tự... làm cho đời sống quần chúng khó khăn, dễ dàng tạo cho chính quyền lý do xác đáng để đàn áp thẳng tay, chẳng đem lại kết quả gì. Giai đoạn mới, Phật giáo cần tạo một thế lực vững vàng tại các cơ cấu lãnh đạo Quốc gia từ thượng tầng đến hạ tầng. Đứng bên lề, một khi tình thế biến chuyển, các cường quốc dàn xếp xong vấn đề Việt Nam, hòa bình văn hồi, Phật giáo không đối phó kịp thời. Tạo một thế lực tại Quốc hội, nguyện vọng, lập trường của Phật giáo sẽ được bày tỏ qua các đại diện dân cử, điều này hợp tình, hợp lý và có giá trị hơn.

Đ Có thể, các nhà lãnh đạo PG nhận thức sự sai lầm của mình khi đòi lật đổ những nhà lãnh đạo đệ II Cộng hòa, trước nguy cơ Cộng sản. Miền Nam đang cần một chính quyền vững mạnh, được quân đội hậu thuẫn để thương thuyết với phe Cộng sản trong giai đoạn chót này. Việc đòi xóa bỏ những cơ chế lãnh đạo hiện nay, dễ dàng tạo nên một cuộc khủng hoảng chính trị trầm trọng như sau 1963. Điều này rất có lợi cho phe Cộng sản, nên đó cũng là một trong những đòi hỏi của họ. Nhìn vào hoạt động quá khích và ước vọng hòa bình mạnh mẽ của Phật giáo, nhiều người tỏ ý nghi ngờ Phật giáo miền Nam thiên tả, muốn nhân nhượng Cộng sản để có hòa bình. Đây chỉ là sự suy đoán sai lầm. Phật giáo phải là thành phần đối Kháng Cộng sản mạnh và trước nhất tại Việt Nam. Về lý thuyết, đạo Phật lấy từ bi

làm căn bản cho mọi hành động nhằm kiến tạo một thế gian an lạc. Cộng sản, để thực hiện xã hội chủ nghĩa cần cứ vào thù hận và đấu tranh giai cấp. Ngoài ra, các Tăng sĩ lãnh đạo Phật giáo hiện nay, phần lớn trưởng thành tại miền Bắc và Trung. Họ có quá nhiều kinh nghiệm bản thân và tôn giáo với Cộng sản trong giai đoạn lịch sử từ mùa Thu 1945 về sau. Cùng các phong trào cứu quốc khác, Phật giáo biến thành công cụ để Cộng sản sử dụng. Các bậc tăng sĩ danh đức như Thượng tọa Tố Liên, Mật Thế, Bích Không... bị Cộng sản ngược đãi khi thấy không dùng được.

Xác định vị thế và lập trường của Phật giáo như trên cho thấy nếu biết khai thác và sử dụng đúng mức, Phật giáo chính là sức mạnh và cảm hứng để giúp cho miền Nam thực hiện cuộc cách mạng xã hội toàn diện và đủ sức đương đầu với hiểm họa Cộng sản trong tương lai. Sở dĩ đến nay vẫn không thể thực hiện được là do các sai lầm liên tiếp của những người lãnh đạo Quốc gia và Giáo hội.

K Về phía Quốc gia:

Tuy giành được độc lập, chính quyền đệ I Cộng hòa vẫn áp dụng chế độ pháp lý của thực dân để lại, gây nên tình trạng chia rẽ giữa các tôn giáo. Các chính quyền kế tiếp sau biến cố 1-11-1963 vẫn không tìm được một giải pháp hợp tình hợp lý áp dụng cho tôn giáo. Tình trạng này tạo nên sự lẫn lộn giữa thế quyền và giáo quyền. Năm 1966, để giải tỏa áp lực của Phật giáo, chính phủ Nguyễn cao Kỳ thẳng tay đối phó với phong trào tranh đấu do Phật giáo phát động tại miền Trung. Giáo hội chính thức phân ly từ sau biến cố này, đến nay vẫn chưa đoàn kết được, dù muốn dù không chính quyền phải gánh một phần trách nhiệm. Việc chia rẽ Phật giáo trong đoàn kỳ giúp cho chính quyền dễ dàng dẹp tan phong trào đấu tranh. Những người lãnh đạo Quốc gia cần nghĩ tới quyền lợi lâu dài và tối thượng của dân tộc, sự suy yếu của Phật giáo, chắc chắn có ảnh hưởng tai hại cho đất nước. Nếu không thể đóng vai trò tích cực để giúp cho Phật giáo đoàn kết thành một khối, chính quyền cần phải có thái độ hoàn toàn vô tư, không thiên vị để tạo điều

kiện thuận lợi cho các cấp lãnh đạo Phật giáo tái lập sự đoàn kết và thống nhất. Chính quyền không thể giữ mãi tình trạng mập mờ đối với Giáo hội PGẤQ. Về mặt pháp lý, Phật giáo Ấn Quang là một tổ chức hoạt động bất hợp pháp, nhưng nhìn vào thực tế cho thấy chính quyền hầu như mặc nhiên chấp thuận vì không thể chối bỏ được tính chất đa số và sức mạnh chính trị của Giáo hội này.

⊗ Về phía Giáo hội:

Việc tham chính đối với Tăng sĩ tuy không phù hợp với giáo lý nguyên thủy, nhưng tại Việt Nam không phải là một hiện tượng mới mẻ. Lịch sử cho thấy dưới các triều đại tự chủ đầu tiên, các thiền sư đã góp công vào việc cứu quốc và kiến quốc. Quốc sư Khuông Việt giúp cho nhà Tiền Lê cải thiện bang giao với Trung Hoa. Quốc sư Vạn Hạnh đóng vai chủ động để xây dựng triều đại nhà Lý. Tuy nhiên cần lưu ý rằng hoạt động của các Tăng sĩ lỗi lạc này có tính cách cá nhân, không giống các hoạt động của giai cấp giáo sĩ tại Âu châu vào thời trung cổ, đặt căn bản trên hệ thống Thần học Thiên chúa giáo. Các Ngài dấn thân vào thế sự để thực hiện Bồ-Tát-hạnh theo quan niệm Đại thừa, hoàn toàn được chỉ đạo bởi tinh thần giác ngộ, giải thoát. Danh lợi được các Ngài coi như phù vân và thịnh suy chỉ là giọt sương mai đầu ngọn cỏ. Ngày nay, quá khứ tốt đẹp này được hàng Tăng sĩ Việt Nam dùng để biện minh cho thái độ của mình. Kinh nghiệm các năm qua cho thấy, hoạt động chính trị của chư tăng, đem lại nhiều tai hại cho Quốc gia và đạo giáo. Danh lợi, tham sân si chi phối mạnh mẽ hoạt động của Tăng sĩ, ngay cả cấp lãnh đạo. Sự phân hóa Giáo hội là kết quả của việc tranh giành quyền lực. Việc chống đối chính quyền đôi khi vì không được thỏa mãn những yêu sách phi lý. Trong các kỳ bầu cử một vài đơn vị hàng Giáo phẩm vì tình cảm riêng tư, vì **quyền lợi** ~~cá nhân~~ vật chất, dùng áp lực tinh thần để buộc tín đồ ủng hộ cho các UCV bất xứng. Giáo hội thường mĩa mai một số người làm "gia nô" cho chính quyền nhưng ^{chính} Giáo hội cũng tạo ra một số "giáo nô" để dễ bề sai khiến.

Nêu các sai lầm trên để các vị lãnh đạo Quốc gia và Giáo

hội thấy rõ nguy hại và ý thức trách nhiệm của mình đối với lịch sử dân tộc và đạo pháp, thực tâm hợp tác để cải thiện tình trạng hiện tại, tìm một hướng đi phù hợp với lý tưởng tôn giáo và quyền lợi tối thượng của Tổ quốc.

Nếu muốn tham gia sinh hoạt chính trị để thực hiện giáo lý từ bi, xây dựng an lạc cho quốc dân, Giáo hội nên giao phó trách nhiệm đó cho hàng cư sĩ. Thành phần này không bị ràng buộc gắt gao bởi Giáo luật, dùng chất liệu tín ngưỡng để kết hợp những người đồng đạo, công khai sinh hoạt dưới hình thức đảng phái chính trị. Các kỳ bầu cử chính là dịp để tổ chức trên lựa chọn UCV căn cứ vào khả năng, tài đức ra tranh cử. Sau khi đắc cử những người này liên kết chặt chẽ với nhau, hoạt động theo kế hoạch để đạt được mục tiêu chung. Điều này tránh cho chư tăng khỏi bị lôi kéo vào sự tranh chấp quyền hành, sự chia rẽ giữa Trung ương với địa phương. Đồng thời các vị lãnh đạo cao cấp khó lòng lợi dụng uy tín riêng tư thao túng việc bầu cử.

Trong tình trạng chiến tranh, chậm tiến hiện nay, tương lai dân tộc không phải hoàn toàn tùy thuộc vào các nhà lãnh đạo Quốc gia mà chính các vị lãnh đạo tôn giáo cũng gánh phần trách nhiệm nặng nề. Những người được gọi chung là thành phần Quốc gia, không phân biệt hình kiến và tín ngưỡng, đừng để bị dồn vào thế của năm 1954 ở hội nghị Genève, bị gạt ra ngoài sự quyết định cho chính thân phận của mình và tổ quốc vì quá yếu kém.

Sài Gòn ngày 15 - 10 - 1972
Sv. TRẦN-ĐÌNH-SƠN

THƯ MỤC

SÁCH

- Thích Mật Thế : VN Phật giáo sử lược, Sen Vàng, 1956.
- Danglu : Đạo Phật ngày mai, Lá Bối, 1970.
- Thích Đức Nhuận : Chuyến hiện Đạo Phật vào thời đại, Vạn Hạnh, Sài Gòn 1967.
- Thích Mãn Giác : Phật giáo và nền văn hóa Việt Nam, Vạn Hạnh, Sài Gòn, 1967.
- Thích nhất Hạnh : Đạo Phật đi vào cuộc đời, Lá Bối, Sài Gòn 1967. Đạo Phật hiện đại hóa, Lá Bối, 1968.
- Quốc Tuệ : Cuộc tranh đấu của Phật giáo VN, Sài Gòn, 1964.
- Tạ văn Tài : Chính trị học tại các Quốc gia đang phát triển, giảng văn cử nhân Luật khoa năm I (1966-67), Đại học Luật khoa Huế-HVQGHC Sài Gòn.

LUẬN ÁN-LUẬN VĂN

- Hoàng xuân Hào : Phật giáo và chính trị tại VN ngày nay, luận án Tiến sĩ Luật khoa, Viện Đại học Sài Gòn 1972.
- Trần văn Dương : Cuộc bầu cử Hội đồng Đô thành, Tỉnh, Thị xã ngày 30-5-1965 và thể thức đơn danh hợp tuyển, luận văn tốt nghiệp Cao học HC khóa I, 1965-67, HVQGHC, 1967.
- Nguyễn khoa Tồn : Vấn đề tham gia chính trị của PGVN, luận văn tốt nghiệp ĐS/HC.HCQGHC.

TẬP SAN-BÁO CHÍ

- Nghiên cứu Hành Chánh
- Tập san Quốc Phòng.
- Nguyệt San Cấp Tiến.
- Tin Phật, nội san Tổng vụ Hoàng pháp.
- Tuần báo Đời số 93, 94, 95, 96.
- Nhật báo Chính Luận
- Nhật báo Cấp Tiến (trong các thời gian bầu cử)

HỒ SƠ-TÀI LIỆU

- Tổng nha Hành Chánh địa phương.
- Bộ Nội Vụ: Hồ sơ bầu cử
- Tòa Đô Chánh: Hồ sơ bầu cử.
- Tòa Hành Chánh Thừa Thiên, Quảng Trị, Huế, Quảng Nam, Đà Nẵng, Phú Yên: Hồ sơ bầu cử.
- Sở Chính trị bộ Nội Vụ: Tài liệu mật về tôn giáo đảng phái, hiệp hội.
- Bộ Thông Tin: tài liệu bầu cử.
- Chùa Ấn Quang: tài liệu bầu cử, tranh đấu.
- Chùa Từ Đàm: tài liệu bầu cử, tranh đấu.
- Kỷ yếu hội Hoàng Pháp kỳ III tại Ấn Quang
- Bản Hiến Chương GHPGVNTN ngày 4-1-1964.
- Bản Hiến Chương GHPGVNTN (ẤQ) ngày 14-12-1965.
- Bản Hiến Chương GHPGVNTN (VNQT) ngày 14-3-1967.

PHÒNG VẤN-THAM KHẢO Ý KIẾN

- Cố Thượng tọa Chánh đại diện GHPGVNTN Miền Vạn Hạnh.
- Đại đức Thích Phước Tịnh - Chùa Vạn Phước Huế.
- Quý vị Tăng sĩ tại Tổng Vụ Thanh Niên Phật giáo Sài Gòn.
- Quý vị Dân biểu Phật giáo - Đơn vị Thừa Thiên.
- Quý vị Dân biểu đơn vị Quảng Trị.
- Quý vị chỉ huy Hành chánh tại Tổng Nha HC địa phương Bộ NV.
- Quý vị chỉ huy HC Tỉnh Thừa Thiên - Thị xã Huế.
- Các sinh viên QGHC tập sự tại Quảng Nam, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Phú Yên.